

NGÂN HÀNG CÂU HỎI THI CHUYÊN VIÊN CHÍNH

Môn: Ngân hàng Thương mại

PHẦN 1: CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ TÀI SẢN NỢ - TÀI SẢN CÓ

- 1. Theo Anh/chị chính sách quản lý Tài sản Nợ - Có được hiểu là gì?**

Đáp án: d

- 2. Nhiệm vụ của quản lý Tài sản Nợ - Có là gì?**

Đáp án: c

- 3. “Quản lý rủi ro thanh khoản là một nội dung của quản lý Tài sản Nợ - Có”. Theo Anh/chị nhận định này là đúng hay sai?**

Đáp án: a

- 4. “Quản lý hệ thống điều chuyển vốn nội bộ là một nội dung của quản lý Tài sản Nợ - Có”. Theo Anh/chị nhận định này là đúng hay sai?**

Đáp án: a

- 5. “Quản lý rủi ro lãi suất không phải là một nội dung của quản lý Tài sản Nợ- Có”. Theo Anh/chị nhận định này là đúng hay sai?**

Đáp án: b

- 6. Hội đồng quản lý Tài sản Nợ - Có (ALCO) của ngân hàng chịu trách nhiệm duyệt tất cả các hạn mức và các biện pháp kiểm soát liên quan tới việc quản lý Tài sản Có và Tài sản Nợ của ngân hàng**

Đáp án: a

- 7. Bảng tổng kết Tài sản của NHTM luôn đảm bảo nguyên tắc: "Tổng Tài sản = Tổng nợ phải trả"**

Đáp án: b

8. Nguyên tắc sắp xếp các khoản mục Tài sản Có trong bảng tổng kết Tài sản là gì?

Đáp án: a

9. Khoản mục nào sau đây chỉ được hình thành từ nguồn vốn quỹ của NHTM?

Đáp án: c

10. Vốn được coi tấm đệm phòng chống rủi ro cho ngân hàng. Điều này đúng hay sai?

Đáp án: a

11. Hoạt động kinh doanh thua lỗ không ảnh hưởng đến vốn chủ sở hữu của ngân hàng. . Đúng hay sai?

Đáp án: b Hoạt động kinh doanh thua lỗ làm giảm vốn chủ sở hữu của ngân hàng

12. Ngân hàng nên duy trì khe hở nhạy cảm lãi suất hướng tới bằng 0 để tăng hiệu quả kinh doanh. Điều này đúng hay sai?

Đáp án: b

13. NHTM có thể tăng vốn chủ sở hữu bằng chính sách nào sau đây?

Đáp án: d

14. Sự mất cân đối về kỳ hạn giữa Tài sản Nợ và Tài sản Có khiến NHTM đối mặt với rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Điều này đúng hay sai?

Đáp án: a

15. Quản lý Tài sản Nợ - Có không phải là một hoạt động đơn lẻ mà là một phần gắn liền với hoạt động quản lý toàn bộ ngân hàng. Điều này đúng hay sai?

Đáp án: a

16. Hệ thống quản trị rủi ro lành mạnh của TCTD phải đảm bảo các yếu tố nào sau đây?

Đáp án: d

17. Xu hướng quản trị ngân hàng ngày nay là gì?
Đáp án: c
18. Huy động có kỳ hạn trung dài hạn đang trở nên ngày càng quan trọng để đảm bảo cân đối hoạt động, vì lý do nào sau đây?
Đáp án: d
19. Tại sao ngân hàng cần quản lý Tài sản Nợ - Có?
Đáp án: c
20. Các yếu tố nào sau đây tác động đến quy mô nguồn vốn huy động?
Đáp án: d
21. Chính sách quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có phải được áp dụng thống nhất trong toàn hệ thống. Điều này đúng hay sai?
Đáp án: a
22. Công cụ tài chính phái sinh là công cụ hiệu quả phòng chống rủi ro trong hoạt động quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có?
Đáp án: a
23. Chính sách quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có của ngân hàng phụ thuộc vào yếu tố nào sau đây?
Đáp án: d
24. Rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản tác động tới yếu tố gì của Ngân hàng?
Đáp án: c
25. Nghiệp vụ nào sau đây không thuộc nội dung quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có?
Đáp án: b
26. Thiết lập các hạn mức rủi ro và cơ cấu của bảng tổng kết Tài sản là trách nhiệm của đơn vị nào sau đây?
Đáp án: a
27. Có cơ cấu bảng tổng kết Tài sản nào là tối ưu cho tất cả các ngân hàng hay không?

Đáp án: b vì duy trì cơ cấu bảng tổng kết Tài sản như thế nào là tùy thuộc vào quy mô, đặc điểm hoạt động, khả năng quản trị rủi ro và mục tiêu lợi nhuận của mỗi ngân hàng

28. BIDV quản trị rủi ro thông qua hệ thống các hạn mức. Đúng hay sai?

Đáp án: a

29. Nội dung nào sau đây được thảo luận tại các cuộc họp ALCO?

Đáp án: d

30. Giải pháp nào sau đây có thể nâng cao hiệu quả quản lý hiệu quả Tài sản Nợ - Tài sản Có?

Đáp án: d

PHẦN 2: PHÂN TÍCH KẾT QUẢ KINH DOANH NGÂN HÀNG

31. Phân tích tài chính trong ngân hàng bao gồm những công việc gì?

Đáp án: d

32. Mục tiêu của việc phân tích tài chính trong ngân hàng là gì?

Đáp án: c

33. Trình tự các bước phân tích kết quả kinh doanh của ngân hàng như thế nào?

Đáp án: a

34. Tỷ suất lợi nhuận $ROA = \text{Lợi nhuận ròng} / \text{Tổng tài sản bình quân}$ phản ánh khía cạnh gì của Ngân hàng?

Đáp án: d

35. Phương pháp CAMEL phân tích trên những nội dung nào sau đây?

Đáp án: c

36. Các chỉ tiêu đánh giá khả năng thanh khoản của ngân hàng bao gồm chỉ tiêu nào sau đây?

Đáp án: d

37. Nguồn vốn nào sau đây là nguồn vốn phải trả lãi của ngân hàng?

Đáp án: d

38. Chỉ tiêu nào sau đây được xác định là tài sản có sinh lời của ngân hàng?

Đáp án: d

39. Khoản mục nào dưới đây không thuộc tài sản có của ngân hàng?

Đáp án: c

40. Tỷ lệ thu nhập lãi cận biên ròng, được xác định như thế nào?

Đáp án: a

41. Chỉ tiêu NIM được sử dụng để phản ánh điều gì sau đây?

Đáp án: c

42. Tỷ lệ thu nhập ngoài lãi được sử dụng để phản ánh khả năng sinh lời của hoạt động huy động vốn. Điều này đúng hay sai?

Đáp án: b

43. Tỷ lệ lãi cận biên ròng và tỷ lệ chênh lệch lãi suất là một chỉ tiêu. Điều này đúng hay sai?

Đáp án: b

44. Theo thông lệ quốc tế, một ngân hàng được coi là hoạt động hiệu quả khi ROA đạt tối thiểu bao nhiêu?

Đáp án: a

45. Theo thông lệ quốc tế, một ngân hàng được coi là hoạt động hiệu quả khi ROE đạt tối thiểu là bao nhiêu?

Đáp án: b

46. Chỉ số ROE của Ngân hàng tăng chứng tỏ điều gì sau đây?

Đáp án: c

47. Theo thông lệ quốc tế, một ngân hàng được coi là hoạt động hiệu quả nếu lãi cận biên ròng đạt tối thiểu là bao nhiêu?

Đáp án: c

48. Tỷ lệ nợ xấu của ngân hàng phản ánh điều gì sau đây?

Đáp án: a

49. Tỷ lệ nào sau đây phản ánh tình trạng tài sản cố định của ngân hàng thương mại?

Đáp án: a

50. Chỉ tiêu nào sau đây phản ánh chất lượng tín dụng của ngân hàng?

Đáp án: d

51. Chỉ tiêu nào sau đây thuộc bộ phận cấu thành Tài sản Nợ của NHTM?

Đáp án: e

52. Chỉ tiêu nào sau đây thuộc bộ phận cấu thành Tài sản Có sinh lời của NHTM?

Đáp án: e

53. Ngân hàng không được dự thu lãi đối với nợ từ nhóm 2 – nhóm 5. Điều này đúng hay sai?

Đáp án: a

54. Nguồn thu nào chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu thu nhập của BIDV?

Đáp án: b

PHẦN 3: TỶ LỆ ĐẢM BẢO AN TOÀN TRONG HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

55. Theo quy định hiện hành của NHNN, TCTD phải duy trì các tỷ lệ đảm bảo an toàn nào sau đây?

Đáp án: d

56. So với quy định của NHNN, Luật các TCTD 2010 bổ sung thêm tỷ lệ an toàn nào?

Đáp án: c

57. Văn bản nào sau đây quy định về các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của các TCTD hiện hành?

Đáp án: e

58. Quy định mới về đảm bảo an toàn của NHNN có hiệu lực từ thời điểm nào?

Đáp án: c

59. Quy định về tỷ lệ an toàn vốn là một nội dung của Hiệp ước Basel. Điều này đúng hay sai?

Đáp án: a

60. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có trách nhiệm giám sát, kiểm tra, thanh tra kết quả thực hiện các tỷ lệ bảo đảm an toàn của TCTD. Điều này đúng hay sai?

Đáp án: a

61. NHNN có thể yêu cầu TCTD duy trì tỷ lệ đảm bảo an toàn cao hơn các mức quy định. Điều này đúng hay sai?

Đáp án: a

62. Theo quy định hiện hành của NHNN, TCTD phải đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu là bao nhiêu?

Đáp án: b

63. Tỷ lệ an toàn vốn được tính như thế nào?

Đáp án: a

64. Vốn tự có để tính tỷ lệ an toàn vốn bao gồm những khoản nào?

Đáp án: c

65. Lỗ lũy kế được tính trừ vào vốn cấp 1 khi tính tỷ lệ an toàn vốn. Điều này đúng hay sai?

Đáp án: a

66. TCTD phải loại trừ các khoản góp vốn mua cổ phần vào công ty con khi tính vốn cấp 1. Điều này đúng hay sai?

Đáp án: a

67. TCTD phải loại các khoản góp vốn, mua cổ phần vào tổ chức tín dụng khi tính vốn cấp 1. Điều này đúng hay sai? Sửa

Đáp án: a

68. Quỹ dự phòng tài chính được tính vào vốn cấp 2 khi tính vốn tự có. Điều này đúng hay sai?

Đáp án: a

69. Giới hạn tối đa quỹ dự phòng tài chính khi tính vào vốn tự có là bao nhiêu?

Đáp án: c

70. Tổng giá trị vốn cấp 2 tối đa bằng bao nhiêu?

Đáp án: d

71. Các Tài sản "Có" nào sau đây có mức rủi ro 50%?

Đáp án: e

72. Các Tài sản "Có" nào sau đây có mức rủi ro 100%?

Đáp án: e

73. Phần vượt mức quy định góp vốn, mua cổ phần vào một doanh nghiệp sẽ ảnh hưởng như thế nào khi tính vốn tự có?

Đáp án: a

74. Theo quy định hiện hành của NHNN, hệ số CAR hợp nhất được tính trên số liệu hợp nhất loại trừ số liệu của công ty trực thuộc nào?. Điều này đúng hay sai?

Đáp án: a

75. TCTD không phải tính giá trị các khoản bảo lãnh khi tính tài sản có rủi ro. Điều này đúng hay sai?

Đáp án : b

76. Để nâng cao hệ số CAR, Ngân hàng cần thực hiện biện pháp nào?

Đáp án: c

77. TCTD phải tuân thủ giới hạn tín dụng đối với những đối tượng nào?

Đáp án: d

78. Các biện pháp nào sau đây không phải là biện pháp bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng?

Đáp án: c

79. Giới hạn tín dụng của TCTD được tính trên mức vốn nào?

Đáp án: c

80. Theo quy định về các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động Ngân hàng, TCTD không bị giới hạn tối đa đối với việc TCTD cho vay công ty con. Điều này đúng hay sai?

Đáp án: b

81. TCTD được cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo đối với công ty trực thuộc là công ty chứng khoán, cho thuê tài chính. Điều này đúng hay sai?

Đáp án: b

82. TCTD không được cho vay không có đảm bảo để đầu tư, kinh doanh chứng khoán. Điều này đúng hay sai?

Đáp án: a

83. Giới hạn góp vốn, mua cổ phần của TCTD được tính căn cứ trên mức vốn nào?

Đáp án: b

84. Các khoản góp vốn mua cổ phần dưới hình thức ủy thác vốn cho các pháp nhân, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện cũng được tính vào giới hạn góp vốn, mua cổ phần. Điều này đúng hay sai?

Đáp án: a

85. TCTD được sử dụng nguồn vốn huy động để góp vốn, mua cổ phần. Điều này đúng hay sai?

Đáp án: b TCTD chỉ được sử dụng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần

86. TCTD vi phạm tỷ lệ an toàn theo quy định của NHNN sẽ chịu chế tài gì?

Đáp án: d

87. Cơ quan thanh tra, giám sát NHNN là đơn vị hướng dẫn các xác định vốn tự có đối với tổ chức tín dụng và chế độ hạch toán kế toán có liên quan. Điều này đúng hay sai?

Đáp án: b

88. Hệ số an toàn vốn hợp nhất của BIDV theo chuẩn mực Quốc tế hiện ở mức nào?

Đáp án: c

89. Các Tài sản "Có" nào sau đây có mức rủi ro 20%?

Đáp án: e

90. Các Tài sản "Có" nào sau đây có mức rủi ro 0%?

Đáp án: e

PHẦN 4: CƠ CHẾ ĐIỀU HÀNH VỐN NỘI BỘ

91. Nguyên tắc định giá chuyển vốn nội bộ là gì?

Đáp án: d

92. Mục đích của việc chuyển đổi cơ chế quản lý vốn tập trung tại BIDV là gì?

Đáp án: d

93. FTP được xác định đảm bảo những mục tiêu nào?

Đáp án: e

94. Trong cơ chế điều hành vốn tập trung, Hội sở chính phải chịu trách nhiệm gì?

Đáp án: e

95. Hiện tại, giá FTP được xác định cho những loại tiền tệ nào?

Đáp án: e

96. "Điều chuyển vốn" qua cơ chế FTP nghĩa là gì?
Đáp án: c
97. Trung tâm vốn xác định giá chuyển vốn FTP căn cứ vào yếu tố nào?
Đáp án: e
98. Giá FTP áp dụng như thế nào?
Đáp án: b
99. Giá FTP được xác định căn cứ vào yếu tố nào sau đây?
Đáp án: e
100. Trong cơ chế quản lý vốn tập trung, dự trữ đảm bảo khả năng thanh toán (trong đó có dự trữ bắt buộc) do đơn vị nào xác định?
Đáp án: c
101. Tỷ lệ thu nhập lãi ròng (NIM) tại chi nhánh được xác định theo công thức nào sau đây?
Đáp án: b
102. Theo cơ chế FTP, thu nhập của chi nhánh đến từ nguồn nào?
Đáp án: e
103. Lãi suất cho vay xác định căn cứ vào yếu tố nào?
Đáp án: e
104. Huy động vốn tại thị trường 1 là huy động từ những nguồn nào?
Đáp án: b
105. Hiện nay, NHNN quy định trần lãi suất huy động trên thị trường 1 đối với loại tiền tệ nào sau đây?
Đáp án: d
106. Tài sản thanh khoản là tài sản như thế nào?
Đáp án: a
107. Lĩnh vực cho vay nhạy cảm như bất động sản, đầu tư kinh doanh chứng khoán được định giá như thế nào?
Đáp án: e

108. Đối với cho vay các lĩnh vực ưu tiên (xuất khẩu, nông nghiệp nông thôn, doanh nghiệp vừa và nhỏ, cho vay khắc phục bão lũ), lãi suất được áp dụng như thế nào?

Đáp án: e

109. Trong cơ chế quản lý vốn tập trung, lợi nhuận của chi nhánh hoàn toàn đến từ khách hàng?

Đáp án: b

110. Ưu điểm của tiền gửi không kỳ hạn là gì?

Đáp án: d

111. Để tăng thu nhập ròng từ hoạt động huy động chi nhánh nên thực hiện biện pháp gì sau đây?

Đáp án: e

112. Việc áp giá FTP mua vốn của Hội sở chính phải tuân thủ quy định về trần lãi suất của NHNN. Điều này đúng hay sai?

Đáp án: b

113. Cơ chế quản lý vốn tập trung của BIDV hiện hành được quy định tại văn bản nào?

Đáp án: b

114. Các giao dịch bán buôn được ưu đãi về giá FTP hơn các giao dịch bán lẻ. Điều này đúng hay sai?

Đáp án: b

115. Thu nhập FTP được ghi nhận vào chỉ tiêu lợi nhuận làm căn cứ đánh giá hoàn thành kế hoạch kinh doanh của chi nhánh. Điều này đúng hay sai?

Đáp án: a

116. Những căn cứ nào để xác định hệ số Q (dư nợ /huy động)?

Đáp án: a

117. Mục tiêu của điều hành vốn qua quản lý hệ số Q (dư nợ/huy động) là gì?:

Đáp án: e

118. Trên giác độ toàn hệ thống, hệ số Q (dư nợ /huy động) phản ánh điều gì?

Đáp án: b

119. Chi nhánh có hệ số $Q > 1$ có nghĩa là gì?

Đáp án: b

120. Chi nhánh có hệ số $Q < 1$ có nghĩa là gì?

Đáp án: a

121. Chi nhánh vi phạm hệ số Q từ cấp độ 2 trở lên phải thực hiện điều gì?

Đáp án: e

PHẦN 5: QUẢN LÝ RỦI RO

I. TỔNG QUAN

122. Khẩu vị rủi ro (risk appetite) có thể được hiểu là gì?

Đáp án: d

123. Nguyên tắc quản lý rủi ro chủ yếu bao gồm những yếu tố gì?

Đáp án: d

124. Quy trình quản lý rủi ro thông thường gồm những nội dung gì?

Đáp án: a

125. Quản lý rủi ro trong ngân hàng cần được thực hiện trong mối quan hệ tổng thể giữa các loại rủi ro với nhau. Đúng hay sai?

Đáp án: a

126. Các phương pháp nhận biết rủi ro trong hoạt động tài chính-ngân hàng là gì?

Đáp án: d

127. Nguyên nhân chính gây nên rủi ro trong hoạt động ngân hàng là gì?

Đáp án: e

128. Các biện pháp quản lý rủi ro cơ bản là gì?

Đáp án: e

129. Chiến lược quản lý rủi ro không cần phải dựa trên chiến lược tổng thể của ngân hàng. Đúng hay sai?

Đáp án: b

130. Trong hoạt động tài chính-ngân hàng, có những loại rủi ro chính nào?

Đáp án: d

131. Các hình thức giảm thiểu/bảo hiểm rủi ro trong hoạt động ngân hàng chủ yếu là gì?

Đáp án: d

132. Qui định trong Hiệp ước Basel II chủ yếu tập trung vào nội dung nào sau đây?

Đáp án: d

133. Để đánh giá rủi ro trong hoạt động tài chính-ngân hàng, ta cần sử dụng cả phân tích định tính và định lượng. Đúng hay sai?

Đáp án: a

134. Để làm tốt công tác quản lý rủi ro, ngân hàng cần thành lập ủy ban/hội đồng quản lý rủi ro để có thể giúp HĐQT về mặt chuyên môn. Đúng hay sai?

Đáp án: a

II. QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

135. Rủi ro thanh khoản xảy ra khi nào?

Đáp án: d

136. Các nguồn nào sau đây là nguồn cung thanh khoản?

Đáp án: e

137. Các nguồn nào sau đây là nguồn cầu thanh khoản?

Đáp án: e

138. Khoản mục nào sau đây là tài sản "Có" thanh toán ngay?

Đáp án: e

139. Hoạt động nào sau đây có thể gây thiếu hụt thanh khoản cho ngân hàng?

Đáp án: a

140. Trong quản trị rủi ro thanh khoản của ngân hàng, ngân hàng quan tâm đến loại kỳ hạn nào của tài sản?

Đáp án: b

141. Tính thanh khoản của tài sản được xác định bởi yếu tố nào sau đây?

Đáp án: e

142. Ngân hàng phải dự trữ bắt buộc cho khoản mục nào sau đây?

Đáp án: e

143. Các khoản mục nào sau đây thuộc Dự trữ thanh toán?

Đáp án: e

144. Điều nào sau đây là đúng khi ngân hàng có khe hở thanh khoản dương?

Đáp án: a

145. Một ngân hàng có khả năng thanh khoản tốt khi nào?

Đáp án: c

146. Nguyên nhân nào sau đây dẫn đến rủi ro thanh khoản của ngân hàng?

Đáp án: e

147. Chỉ tiêu nào sau đây phản ánh khả năng thanh khoản của ngân hàng?

Đáp án: e

148. Yếu tố nào sau đây khiến thanh khoản các ngân hàng trong năm 2008-2010 căng thẳng?

Đáp án: d

149. Ngân hàng nào tại Việt nam đã từng phải đối mặt với rủi ro mất thanh khoản khi khách hàng ồ ạt đến rút tiền do tin đồn?

Đáp án: b

150. Dự trữ sơ cấp bao gồm những khoản mục nào?

Đáp án: a

151. Biện pháp nào ngân hàng có thể áp dụng khi dư thừa thanh khoản ngắn hạn?

Đáp án: a

152. Biện pháp nào sau đây ngân hàng không nên áp dụng khi dư thừa thanh khoản ngắn hạn?

Đáp án: d

153. Biện pháp nào sau đây ngân hàng có thể áp dụng khi thiếu hụt thanh khoản?

Đáp án: d

154. Việc làm nào sau đây không nên thực hiện khi thanh khoản khó khăn? *Đáp án: c*

155. Biện pháp nào sau đây có thể áp dụng để hạn chế rủi ro thanh khoản trong ngắn hạn?

Đáp án: d

156. Những nguyên nhân nào sau đây có thể tạo ra cú sốc về rút tiền gửi?

Đáp án: d

157. Ngân hàng có thể hỗ trợ thanh khoản tiền đồng bằng cách duy trì trạng thái ngoại tệ như thế nào?

Đáp án: b

158. Mệnh đề nào sau đây không đúng?

Đáp án: b

159. Ngân hàng có trạng thái thanh khoản ròng dương khi nào?

Đáp án: b

160. Ngân hàng có trạng thái thanh khoản ròng âm khi nào?

Đáp án: c

161. Trong điều kiện thông thường, giữa tính lỏng và chi phí một nguồn vốn có mối quan hệ như thế nào?

Đáp án: a

162. Khe hở thanh khoản là gì?

Đáp án: a

163. Khe hở thanh khoản lũy kế là gì?

Đáp án: a

164. Khi thiếu hụt thanh khoản VND xảy ra, NHTM có thể bù đắp thiếu hụt từ các nguồn nào?

Đáp án: e

165. Những yếu tố ảnh hưởng đến quản trị rủi ro thanh khoản của ngân hàng?

Đáp án: d

166. Khi dự báo lãi suất tăng trong thời gian tới, khách hàng sẽ có xu hướng như thế nào?

Đáp án: a

167. Lãi suất liên ngân hàng tăng cao trong khi nguồn cung hạn chế phản ánh điều gì?

Đáp án: a

III. QUẢN LÝ RỦI RO THỊ TRƯỜNG

168. Điều nào dưới đây phản ánh đầy đủ, chính xác nhất về khái niệm rủi ro thị trường?

Đáp án: c

169. Rủi ro thị trường bao gồm những loại rủi ro nào?

Đáp án: d

170. Để quản lý rủi ro thị trường, cần xác lập điều gì sau đây?

Đáp án: d

171. Hành động (các hành động) nào dưới đây nằm trong quy trình quản lý rủi ro thị trường?

Đáp án: d

172. Theo Hiệp ước Basel II, Ủy ban Giám sát ngân hàng khuyến nghị các ngân hàng thương mại xác định yêu cầu vốn cho rủi ro thị trường. Điều này đúng hay sai

Đáp án: a

173. Hai phương pháp được khuyến nghị sử dụng để đo lường rủi ro thị trường theo Basel II là phương pháp chuẩn hóa và phương pháp mô hình nội bộ:

Đáp án: a

174. Hiện nay, tại Ngân hàng ĐT&PT VN, đơn vị nào dưới đây chịu trách nhiệm thẩm định, trình phê duyệt các hạn mức quản lý rủi ro lãi suất, ngoại hối, giá chứng khoán, giá hàng hóa?

Đáp án: c

175. Công cụ (các công cụ) nào dưới đây đã được Ngân hàng ĐT&PT VN triển khai áp dụng trong công tác quản lý rủi ro thị trường?

Đáp án: d

176. Hội đồng Quản lý tài sản nợ, có của Ngân hàng ĐT&PT VN quy định điều nào dưới đây về rủi ro thị trường?

Đáp án: d

177. Công tác giám sát, báo cáo thực trạng/ tình hình tuân thủ các quy định về hạn mức và kiểm soát rủi ro thị trường được Ban QLRR TT&TN thực hiện thông qua Báo cáo quản lý rủi ro thị trường hàng ngày. Điều này đúng hay sai?

Đáp án: a

178. Các trường hợp vượt hạn mức giá trị chịu rủi ro ngoại hối được Ban QLRR TT&TN cùng đơn vị kinh doanh đồng ký tờ trình báo cáo Ban

Lãnh đạo là văn hóa quản lý rủi ro hiện đang được triển khai tại Ngân hàng ĐT&PT VN. Điều này đúng hay sai?

Đáp án: a

179. Điều nào dưới đây phản ánh đầy đủ, chính xác nhất về khái niệm giá trị chịu rủi ro (VaR) ngoại hối?

Đáp án: a

180. Ngân hàng ĐT&PT VN đang sử dụng phương pháp nào dưới đây để đo lường giá trị chịu rủi ro (VaR) ngoại hối?

Đáp án: a

181. Hạn mức giá trị chịu rủi ro USD do Ban QLRR TT&TN thẩm định trình Ban Lãnh đạo phê duyệt bao gồm hạn mức tối đa, hạn mức kỳ vọng cao và hạn mức kỳ vọng thấp. Điều này đúng hay sai?

Đáp án: a

182. Dữ liệu nào dưới đây được sử dụng để đo lường VaR ngoại hối:

a. Tỷ giá hối đoái 251 ngày làm việc liền trước

Đáp án: d

183. Theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các ngân hàng thương mại được phép nắm giữ trạng thái ngoại tệ trên vốn tự có tối đa là 30%. Điều này đúng hay sai?

Đáp án: a

184. Rủi ro lãi suất xảy ra khi nào ?

Đáp án: b

185. Các công cụ nào dưới đây được sử dụng để quản lý rủi ro lãi suất?

Đáp án: d

186. Các khoản mục Tài sản Có hoặc Tài sản Nợ trên bảng tổng kết tài sản được xem là nhạy cảm với lãi suất khi nào?

Đáp án: a

187. Khe hở tài sản nhạy cảm lãi suất được hiểu là gì?

Đáp án: a

188. Giới hạn khe hở tài sản nhạy cảm lãi suất của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam hiện đang được quy định như thế nào?

Đáp án: d

189. ΔNII là công cụ gì?

190. Với các điều kiện giả định cơ bản, thu nhập ròng từ lãi 3 tháng tới của ngân hàng sẽ tăng khi lãi suất thị trường tăng trong trường hợp: nào?

Đáp án: a

191. Khe hở thời lượng cho biết điều gì?

Đáp án: a

192. Trong quản lý rủi ro lãi suất đối với Sổ ngân hàng, ΔEV là công cụ gì?

Đáp án: b

193. Phương pháp nào dưới đây hiện đang được Ngân hàng ĐT&PT VN sử dụng để đo lường giá trị chịu rủi ro (VaR) lãi suất?

Đáp án: a

194. Dữ liệu nào dưới đây được Ban QLRR TT&TN sử dụng để đo lường giá trị chịu rủi ro (VaR) lãi suất hàng ngày?

Đáp án: d

195. Hiện nay, Ban QLRR TT&TN đang thực hiện đo lường, báo cáo giá trị chịu rủi ro (VaR) lãi suất đối với loại tiền tệ nào?

Đáp án: c

196. Độ tin cậy được sử dụng trong phương pháp tính giá trị chịu rủi ro (VaR) lãi suất của Ngân hàng ĐT&PT VN là bao nhiêu?

Đáp án: a

197. Để xác định giá trị chịu rủi ro (VaR) lãi suất, hiện nay Ngân hàng ĐT&PT VN đang sử dụng dữ liệu lãi suất của bao nhiêu ngày trong quá khứ?

Đáp án: c

198. Ngân hàng ĐT&PT VN đã thực hiện kiểm nghiệm giả thuyết (Back test) và thử nghiệm khủng hoảng (Stress test) đối với giá trị chịu rủi ro lãi suất. Điều này đúng hay sai?

Đáp án: b

199. Theo Quy chế tổ chức và hoạt động của ALCO ban hành kèm theo Quyết định số 0438/QĐ-ALCO3 ngày 03.02.2009, Ban MIS&ALCO có nhiệm vụ “Đầu mối phối hợp với Ban Vốn và Kinh doanh vốn đánh giá, phân tích và đề xuất các giới hạn về rủi ro lãi suất”. Đúng hay sai?

Đáp án: a

200. Theo Quy chế tổ chức và hoạt động của ALCO ban hành kèm theo Quyết định số 0438/QĐ-ALCO3 ngày 03.02.2009, Ban QLRRTT&TN có nhiệm vụ “Thẩm định và trình ALCO phê duyệt các hạn mức rủi ro lãi suất của Sổ Ngân hàng do Ban MIS&ALCO đề nghị”:

Đáp án: a

201. Lãi suất nào dưới đây không được công bố trên website của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam?

Đáp án: a

202. Theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là:

Đáp án: c

203. Theo quy định tại Thông tư số 02/2011/TT-NHNN ngày 03.03.2011 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tổ chức tín dụng ấn định mức lãi suất huy động vốn bằng đồng Việt Nam của các tổ chức (trừ tổ chức tín dụng) và cá nhân không vượt quá bao nhiêu?

Đáp án: b

204. Theo quy định tại Thông tư số 14/2011/TT-NHNN ngày 01.06.2011 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tổ chức tín dụng ấn định mức lãi suất huy động vốn tối đa bằng đô la Mỹ của cá nhân là người cư trú, cá nhân là người không cư trú là bao nhiêu?

Đáp án: a

205. Giá trái phiếu biến động như thế nào so với lãi suất thị trường?

Đáp án: b

206. Thời lượng của một trái phiếu được xác định như thế nào?

Đáp án: b

207. Thời lượng của một trái phiếu được xác định như thế nào?

Đáp án: a

208. Lãi suất nào dưới đây được khuyến khích sử dụng để chiết khấu các dòng tiền khi định giá trái phiếu?

Đáp án: a

209. Công cụ nào dưới đây không được sử dụng để quản lý rủi ro giá trái phiếu?

Đáp án: d

210. Dữ liệu nào dưới đây được sử dụng để đo lường giá trị chịu rủi ro (VaR) cổ phiếu?

Đáp án: d

211. Ngân hàng ĐT&PT VN đã thực hiện đo lường giá trị chịu rủi ro (VaR) cổ phiếu đối với danh mục cổ phiếu niêm yết và danh mục cổ phiếu OTC. Đúng hay sai?

Đáp án: a

212. Phương pháp nào dưới đây hiện đang được Ngân hàng ĐT&PT VN sử dụng để đo lường giá trị chịu rủi ro (VaR) của cổ phiếu?

Đáp án: a

213. Điều nào sau đây được quy định trong Basel II?

Đáp án: a

214. Ngân hàng ĐT&PT VN chưa thực hiện tự doanh đối với giao dịch hàng hóa tương lai. Đúng hay sai?

Đáp án: a

215. Ngân hàng ĐT&PT VN đã cung cấp dịch vụ giao dịch hàng hóa tương lai cho khách hàng. Đúng hay sai?

Đáp án: a

216. Các khách hàng sử dụng dịch vụ giao dịch hàng hóa tương lai của Ngân hàng ĐT&PT VN đều được cấp hạn mức giao dịch. Đúng hay sai?

Đáp án: a

217. Ngân hàng ĐT&PT VN đã ban hành Quy định đánh giá xếp hạng và xác lập hạn mức cho khách hàng trong giao dịch hàng hóa tương lai kèm theo Quyết định số 4413/QĐ-QLRRTT1 ngày 30.08.2010. Đúng hay sai?

Đáp án: a

IV. QUẢN LÝ RỦI RO TÁC NGHIỆP

218. Rủi ro tác nghiệp chủ yếu là do các yếu tố nào sau đây gây nên?

Đáp án: e

219. Rủi ro đạo đức có thể được coi là một loại rủi ro tác nghiệp. Đúng hay sai?

Đáp án: a

220. Rủi ro tác nghiệp không chỉ liên quan đến hoạt động của con người. Đúng hay sai?

Đáp án: a

221. Rủi ro tác nghiệp có sự giao thoa với các loại rủi ro tín dụng, thị trường. Đúng hay sai?

Đáp án: a

222. Quản lý rủi ro tác nghiệp bao gồm những nội dung nào?

Đáp án: e

223. Mục tiêu của Quản lý rủi ro tác nghiệp là gì?

Đáp án: a

224. Rủi ro tác nghiệp phát sinh từ đâu?

Đáp án: e

225. Theo quy định của Basel 2, rủi ro tác nghiệp được chia ra làm bao nhiêu loại?

Đáp án: a

226. Theo quy định của Basel 2, rủi ro trong hoạt động ngân hàng được chia ra thành những loại nào?

Đáp án: a

227. Trình tự thực hiện trong quá trình quản lý rủi ro tác nghiệp như thế nào?

Đáp án: c

228. Nhận diện rủi ro tác nghiệp là trách nhiệm của đơn vị nào?

Đáp án: d

229. Để thực hiện đo lường rủi ro tác nghiệp có thể thực hiện các phương pháp đo lường nào sau đây?

Đáp án: c

230. Hiện nay, Báo cáo dấu hiệu rủi ro tác nghiệp của BIDV được lập định kỳ như thế nào?

Đáp án: c

231. Hiện nay, báo cáo dấu hiệu RRTN của BIDV được thực hiện tại đâu?

Đáp án: c

232. Khi báo cáo dấu hiệu rủi ro tác nghiệp, các đơn vị cần thực hiện những nội dung gì?

Đáp án: d

233. Báo cáo ma trận rủi ro tác nghiệp của BIDV gồm bao nhiêu loại ma trận?

Đáp án: a

234. BIDV thực hiện xây dựng ma trận rủi ro tác nghiệp cho đối tượng nào?

Đáp án: c

235. Trong ma trận rủi ro, nghiệp vụ có điểm tổng cộng càng cao phản ánh điều gì?

Đáp án: a

236. BIDV phân loại sự cố rủi ro tác nghiệp thành những loại nào?

Đáp án: a

237. Khi nhập dữ liệu vào Chương trình quản lý dữ liệu RRTN, phòng nào sẽ chịu trách nhiệm tổng hợp dữ liệu?

Đáp án: a

238. Chi nhánh có thể nhập dữ liệu vào Chương trình quản lý dữ liệu RRTN theo cách thức nào?

Đáp án: c

239. Giai đoạn từ 2006 đến 2007, BIDV thực hiện báo cáo rủi ro tác nghiệp định kỳ như thế nào?

Đáp án: c

240. Sự cố rủi ro tác nghiệp xảy ra do nguyên nhân nào sau đây?

Đáp án: d

241. Báo cáo sự cố rủi ro tác nghiệp của BIDV bao gồm những nội dung gì?

Đáp án: c

242. Trong Quy trình báo cáo sự cố rủi ro tác nghiệp theo Quyết định số 5353/QĐ-QLRRTT2, ngày 19/10/2010, các đơn vị phải báo cáo các sự cố rủi ro tác nghiệp về trụ sở chính vào thời điểm nào?

Đáp án: a

243. Khi sự cố rủi ro tác nghiệp xảy ra, các đơn vị phải báo cáo về trụ sở chính những nội dung gì?

Đáp án: c

244. Hiện nay, trong chương trình báo cáo giao dịch nghi ngờ bất thường, chưa có các báo cáo trong phân hệ Tín dụng. Đúng hay sai?

Đáp án: b

245. Trong Quy định quản lý rủi ro tác nghiệp số 5353/QĐ-QLRRTT2, ngày 19/10/2010, đối với các báo cáo giao dịch nghi ngờ được chiết xuất từ chương trình, các đơn vị phải thực hiện rà soát và báo cáo kết quả rà soát định kỳ như thế nào?

a. TĐáp án: b

246. Trong Quy trình báo cáo giao dịch nghi ngờ, bất thường tại quy định Quản lý rủi ro tác nghiệp số 5353/QĐ-QLRRTT2, ngày 19/10/2010, việc in và rà soát các báo cáo trong chương trình báo cáo giao dịch nghi ngờ, bất thường được thực hiện định kỳ như thế nào?

Đáp án: a

247. Hiện tại, Báo cáo dấu hiệu rủi ro tác nghiệp của chi nhánh được thực cho bao nhiêu loại nghiệp vụ?

Đáp án: a

248. Trong Quy định Quản lý rủi ro tác nghiệp số 5353/QĐ-QLRRTT2, ngày 19/10/2010 RRTN được chia thành bao nhiêu loại?

Đáp án: a

249. BIDV thực hiện báo cáo dấu hiệu RRTN bắt đầu từ khi nào?

Đáp án: a

250. Trong Quy định Quản lý rủi ro tác nghiệp số 5353/QĐ-QLRRTT2, ngày 19/10/2010, khi thực hiện báo cáo rủi ro tác nghiệp, các chi nhánh thực hiện như thế nào?

Đáp án: a

251. Phương pháp thể tính điểm là phương pháp đo lường rủi ro như thế nào?

Đáp án: a

252. Để đánh giá mức độ rủi ro của chi nhánh, BIDV thực hiện phân loại chi nhánh theo cách phân loại nào?

Đáp án: d

253. Trong báo cáo ma trận rủi ro tác nghiệp, chi nhánh được đánh dấu màu vàng là chi nhánh có mức độ rủi ro như thế nào?

Đáp án: c

254. BIDV đã thu thập dữ liệu sự cố rủi ro tác nghiệp từ thời điểm nào?

Đáp án: c

255. Trong Quy trình báo cáo giao dịch nghi ngờ, bất thường tại quy định Quản lý rủi ro tác nghiệp số 5353/QĐ-QLRRTT2, ngày 19/10/2010, phòng chịu trách nhiệm rà soát báo cáo giao dịch nghi ngờ, bất thường là phòng nào?

Đáp án: b

256. Trong Quy trình báo cáo giao dịch nghi ngờ, bất thường tại Quy định Quản lý rủi ro tác nghiệp số 5353/QĐ-QLRRTT2, ngày 19/10/2010, việc thực hiện báo cáo về TSC kết quả rà soát các báo cáo giao dịch nghi ngờ, bất thường do Ban QLRRTT&TN đề xuất được thực hiện khi nào?

Đáp án: c

257. Trong Quy trình báo cáo giao dịch nghi ngờ, bất thường tại Quy định Quản lý rủi ro tác nghiệp số 5353/QĐ-QLRRTT2, ngày 19/10/2010, phòng chịu trách nhiệm in báo cáo trong chương trình giao dịch nghi ngờ, bất thường là phòng nào?

Đáp án: a

258. Hiện tại, chương trình báo cáo giao dịch nghi ngờ bất thường đã hỗ trợ được các báo cáo tại những phân hệ nào?

Đáp án: d

259. Hiện tại, Chương trình báo cáo giao dịch nghi ngờ bất thường đã hỗ trợ các đơn vị bao nhiêu báo cáo?

Đáp án: a

260. Chương trình báo cáo giao dịch nghi ngờ, bất thường được triển khai chính thức đến các đơn vị từ thời điểm nào?

Đáp án: a

261. Chương trình báo cáo giao dịch nghi ngờ, bất thường là chương trình báo cáo trực tuyến, tự động chiết xuất trực tiếp từ cơ sở dữ liệu, khách quan không có sự can thiệp của con người. Đúng hay sai?

Đáp án: a

262. Khi cập nhật dữ liệu vào Chương trình quản lý dữ liệu RRTN, phòng chịu trách nhiệm thực hiện chức năng duyệt dữ liệu là phòng nào?

Đáp án: c

263. Do tin đồn xấu, khách hàng kéo đến rút tiền, ngân hàng có nguy cơ mất khả năng chi trả. Đây là dấu hiệu rủi ro tác nghiệp:

Đáp án: a

264. Giải ngân nhằm tài khoản của người thụ hưởng là rủi ro liên quan đến lĩnh vực nào?

Đáp án: b

265. Trong trường hợp ngân hàng thực hiện đúng quy định, sự kiện khách hàng giả mạo hồ sơ và đã vay được tiền được gọi là sự cố rủi ro gì?

Đáp án: a

266. Thu nợ nhằm hợp đồng tín dụng là gì?

Đáp án: a

267. Quy trình rà soát và phê duyệt sản phẩm mới đòi hỏi phải có sự tham gia của công tác QLRRTN. Đúng hay sai?

Đáp án: a

268. Cán bộ Quan hệ khách hàng làm việc thêm giờ quá nhiều, dẫn đến mệt mỏi: đây là loại dấu hiệu rủi ro gì ?

Đáp án: a

269. Khách hàng đến vay vốn ngân hàng, quá trình cấp tín dụng được thực hiện đúng theo quy định của ngân hàng, sau đó khách hàng làm ăn thua lỗ, không trả được nợ cho ngân hàng, đây là loại rủi ro gì?

Đáp án: b

270. Quy chế xử lý trách nhiệm cá nhân, tập thể theo QĐ số 272/QĐ-HĐQT, ngày 13/4/2011, đối với trường hợp cán bộ có hành vi vi phạm đến mức bị xử lý đã chuyển sang đơn vị mới, đơn vị thực hiện giảm trừ lương kinh doanh là đơn vị nào?

Đáp án: b

271. Quy chế xử lý trách nhiệm cá nhân, tập thể theo QĐ số 272/QĐ-HĐQT ngày 13/4/2011 có điều chỉnh đối với các công ty BSC, Leasing, BIC hay không?

Đáp án: b

272. Quy chế xử lý trách nhiệm cá nhân, tập thể theo QĐ số 272/QĐ-HĐQT ngày 13/4/2011 có xử lý đối với trường hợp cán bộ có hành vi vi phạm đã chuyển sang đơn vị khác trong BIDV hay không?

Đáp án: a

273. Thời hiệu xử lý các hành vi vi phạm trong Quy chế xử lý trách nhiệm cá nhân, tập thể theo QĐ số 272/QĐ- HĐQT ngày 13/4/2011 là bao lâu?

Đáp án: b

274. Hành vi vi phạm trong quá trình tác nghiệp tín dụng được xác định là gây ra nợ xấu, nợ có khả năng mất vốn cũng thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế lý trách nhiệm cá nhân, tập thể theo QĐ số 272/QĐ- HĐQT, ngày 13/4/2011. Đúng hay sai?

Đáp án: b

275. Quy chế xử lý trách nhiệm cá nhân, tập thể theo QĐ số 272/QĐ-HĐQT, ngày 13/4/2011, phòng nào chịu trách nhiệm ra thông báo giảm trừ lương kinh doanh đối với các cán bộ có hành vi vi phạm bị xử lý do phát hiện trực tiếp tại chi nhánh?

Đáp án: b

276. Các hành vi vi phạm đã có quyết định khởi tố của cơ quan điều tra cũng thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế xử lý trách nhiệm cá nhân, tập thể theo QĐ số 272/QĐ- HĐQT, ngày 13/4/2011. Đúng hay sai?

Đáp án: b

277. Quy chế xử lý trách nhiệm cá nhân, tập thể theo QĐ số 272/QĐ-HĐQT, ngày 13/4/2011, hình thức xử lý “Không được xếp loại hoàn

thành nhiệm vụ ở mức cao nhất” đối với cá nhân là hình thức như thế nào?

Đáp án: b

278. Quy chế xử lý trách nhiệm cá nhân, tập thể theo QĐ số 272/QĐ-HĐQT, ngày 13/4/2011, số lần vi phạm bị xử lý đối với lãnh đạo phòng nghiệp vụ có liên quan là bao nhiêu?

Đáp án: a

279. Quy chế xử lý trách nhiệm cá nhân, tập thể theo QĐ số 272/QĐ-HĐQT, ngày 13/4/2011, đơn vị để xảy ra sự cố rủi ro tác nghiệp sẽ bị xử lý như thế nào?

Đáp án: b

280. Quy chế xử lý trách nhiệm cá nhân, tập thể theo QĐ số 272/QĐ-HĐQT, ngày 13/4/2011 không điều chỉnh những nội dung nào?

Đáp án: d

281. Các hành vi vi phạm trong hoạt động nghiệp vụ của các công ty thành viên không bị xử lý theo Quy chế xử lý trách nhiệm cá nhân, tập thể tại QĐ số 272/QĐ- HĐQT, ngày 13/4/2011. Đúng hay sai?

Đáp án: a

282. Quy chế xử lý trách nhiệm cá nhân, tập thể theo QĐ số 272/QĐ-HĐQT, ngày 13/4/2011, số lần vi phạm bị xử lý đối với lãnh đạo phòng tham gia trực tiếp được xác định như thế nào?

Đáp án: b

283. Quy chế xử lý trách nhiệm cá nhân, tập thể theo QĐ số 272/QĐ-HĐQT, ngày 13/4/2011, tại chi nhánh, phòng nào chịu trách nhiệm tổng hợp danh sách cán bộ có hành vi vi phạm liên quan đến khiếu nại tố cáo?

Đáp án: a

284. Quy chế xử lý trách nhiệm cá nhân, tập thể theo QĐ số 272/QĐ-HĐQT, ngày 13/4/2011, Mức xử lý tại Mục II, Phụ lục 01 đối với

HĐTD được áp dụng cho từng thành viên của HĐTD, ngoài trừ thành viên có ý kiến bảo lưu, khác với phán quyết của HĐTD. Đúng hay sai?

Đáp án: a

285. Quy chế xử lý trách nhiệm cá nhân, tập thể theo QĐ số 272/QĐ-HĐQT, ngày 13/4/2011, đối với hành vi “Tổ chức mô hình giao dịch không đúng qui định” mức xử lý giảm trừ lương kinh doanh áp dụng đối với Giám đốc là bao nhiêu?

Đáp án: a

286. Quy chế xử lý trách nhiệm cá nhân, tập thể theo QĐ số 272/QĐ-HĐQT, ngày 13/4/2011, đối với hành vi “Đề xuất và phê duyệt cho vay khi khách hàng vay không có đủ các tài liệu, hồ sơ chứng minh về tư cách pháp lý, năng lực tài chính, dự án vay vốn”, cán bộ trực tiếp thực hiện bị xử lý là ai?

Đáp án: c

287. Quy chế xử lý trách nhiệm cá nhân, tập thể theo QĐ số 272/QĐ-HĐQT, ngày 13/4/2011, đối với hành vi “Cán bộ ăn cắp user, password và các thiết bị bảo mật đi kèm” sẽ bị xử lý khi nào?

Đáp án: a

288. Quy chế xử lý trách nhiệm cá nhân, tập thể theo QĐ số 272/QĐ-HĐQT, ngày 13/4/2011, hình thức xử lý “Không xếp loại thi đua” đối với cá nhân là hình thức xử lý như thế nào?

Đáp án: b

289. Quy chế xử lý trách nhiệm cá nhân, tập thể theo QĐ số 272/QĐ-HĐQT, ngày 13/4/2011, Số lần vi phạm bị xử lý đối với giám đốc được xác định như thế nào?

Đáp án: a

290. Quy chế xử lý trách nhiệm cá nhân, tập thể theo QĐ số 272/QĐ-HĐQT, ngày 13/4/2011, số lần vi phạm bị xử lý đối với cán bộ kiểm soát được xác định như thế nào?

Đáp án: a

291. Đối tượng nào sau đây phải thực hiện công tác phòng, chống rửa tiền theo Thông tư số 22/2009/TT-NHNN?

Đáp án: d

292. Việt Nam đã ban hành Luật phòng chống rửa tiền. Đúng hay sai?

Đáp án: b

293. Việt Nam đã tham gia tổ chức quốc nào dưới đây về phòng chống rửa tiền?

Đáp án: b

294. BIDV đang áp dụng quy định nào về phòng chống rửa tiền?

Đáp án: b

295. Theo quy định số 1626/QĐ-QLRRTT2, giao dịch tiền mặt có giá trị lớn là giao dịch như thế nào?

Đáp án: c

296. Thông tư số 22/2009/TT-NHNN của NHNN quy định điều nào sau đây?

Đáp án: c

297. Thông thường hoạt động rửa tiền được chia làm mấy giai đoạn?

Đáp án: a

298. Theo quy định số 1626/QĐ-QLRRTT2, chi nhánh có thể tự mình áp dụng biện pháp tạm thời nào sau đây?

Đáp án: a

299. Trách nhiệm phòng chống rửa tiền tại BIDV thuộc về đơn vị/cá nhân nào?

Đáp án: c

300. Quy định về phòng, chống rửa tiền của BIDV áp dụng cho đối tượng nào?

Đáp án: d

301. OFAC là cơ quan về phòng chống rửa tiền của nước nào ?

Đáp án: c

302. Danh sách cảnh báo phòng chống rửa tiền do ai ban hành?

Đáp án: c

303. Hoạt động rửa tiền nhằm mục đích gì?

Đáp án: c

304. Giao dịch liên quan đến danh sách đen, cấm vận gồm những giao dịch nào?

Đáp án: c

305. Đối với khách hàng cá nhân là người nước ngoài, khi thực hiện giao dịch cần kiểm tra những thông tin gì?

Đáp án: c

306. Đại lý phụ Western Union của BIDV có phải là đối tượng của quy định số 1626/QĐ-QLRRTT2? Tại sao?

Đáp án: a

307. Giám đốc đơn vị trực tiếp giao dịch có trách nhiệm gì trong công tác phòng chống rửa tiền?

Đáp án: d

308. Đơn vị nào là đầu mối của BIDV trong hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước về phòng, chống rửa tiền?

Đáp án: b

309. Giao dịch viên cần phải làm gì khi nhận thấy khách hàng giao dịch với số tiền có giá trị lớn không tương xứng hoặc không liên quan tới hoạt động thường ngày hay bất cứ hoạt động hợp pháp nào của khách hàng?

Đáp án: c

310. Hồ sơ báo cáo giao dịch bất thường bao gồm những nội dung gì?

Đáp án: b

311. Khách hàng nộp tiền mặt vào tài khoản của người khác hoặc nộp tiền mặt để chuyển tiền (*trường hợp khách hàng không có tài khoản*), Đơn vị trực tiếp giao dịch phải thực hiện điều gì?

Đáp án: c

312. Đơn vị trực tiếp giao dịch chỉ được quyền áp dụng biện pháp tạm thời “Không thực hiện giao dịch” đối với những giao dịch nào?

Đáp án: c

313. Thông tin liên quan tới các giao dịch được báo cáo theo quy định về phòng, chống rửa tiền được bảo quản theo chế độ nào?

Đáp án: a

314. Các thông tin nào cần lưu trữ trong công tác phòng, chống rửa tiền?

Đáp án: c

315. Ứng xử, giao tiếp của nhân viên ngân hàng đối với khách hàng khi phát sinh giao dịch đáng ngờ như thế nào?

Đáp án: a

316. Khách hàng đề nghị thực hiện giao dịch thanh toán quốc tế: trong hợp đồng ghi xuất hàng từ cảng của Ả rập Saudi (*còn gọi là Ả rập Xê út*), hàng có xuất xứ từ Iran. Nhân viên giao dịch phải xem xét điều gì?

Đáp án: a

317. Rửa tiền là hoạt động như thế nào?

Đáp án: a

318. Thủ tục nhận biết khách hàng được thực hiện khi nào?

Đáp án: c

319. Tại sao phải xác định xuất xứ hàng hóa khi thực hiện giao dịch thanh toán quốc tế đối với việc nhập/xuất hàng hóa?

Đáp án: b

320. Một công ty của Việt Nam đề nghị BIDV thực hiện giao dịch nhờ thu bộ chứng từ hàng xuất đối với khách hàng nhập khẩu của Belarus. Khi nhận được yêu cầu này, giao dịch viên thực hiện nội dung nào sau đây?

Đáp án: c

321. Toàn bộ các tài liệu, hồ sơ liên quan đến giao dịch được báo cáo theo qui định 1626/QĐ-QLRRTT2 được coi là tài liệu gì?

Đáp án: b

V. QUẢN LÝ RỦI RO TÍN DỤNG

322. Dấu hiệu của rủi ro tín dụng có thể là dấu hiệu nào sau đây?

Đáp án: e

323. Trong hoạt động ngân hàng, rủi ro tín dụng có thể được thể hiện ở các chỉ tiêu nào?

Đáp án: d

324. Phát biểu nào dưới đây là phát biểu đúng về định nghĩa rủi ro?

Đáp án: a

325. Theo bạn trong kinh doanh người ta thường sử dụng chỉ tiêu thống kê nào để đo lường rủi ro

Đáp án: d

326. Rủi ro tín dụng liên quan đến đối tượng nào sau đây?

Đáp án: b

327. Theo quy định tại Thông tư số 06/2010/TT-NHNN ngày 26/2/2010 của Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban quản lý rủi ro có bao nhiêu chức năng ?

Đáp án: b

328. Theo Thông tư số 13 của Ngân hàng Nhà nước, các khoản phải đòi có bảo đảm toàn bộ bằng nhà ở, quyền sử dụng đất, nhà ở gắn với quyền sử dụng đất của bên vay hoặc những tài sản này được bên vay cho thuê nhưng bên thuê đồng ý cho bên cho thuê dùng làm tài sản thế chấp trong thời gian thuê có hệ số rủi ro là bao nhiêu ?

Đáp án: b

329. Chỉ số nào được sử dụng trong việc đo lường rủi ro tín dụng của ngân hàng ?

Đáp án: e

330. Mô hình định lượng rủi ro nào dưới đây là mô hình theo thông lệ quốc tế?

Đáp án: c

331. Trong mô hình CAMELS, có bao nhiêu tiêu chí được đưa ra để đánh giá các mặt cơ bản của ngân hàng ?

Đáp án: c

332. Ủy ban BASEL đưa ra bao nhiêu nguyên tắc về quản lý rủi ro tín dụng ?

Đáp án: c

333. Phân tích tình hình tài chính để quyết định cho vay có quan trọng trong trường hợp cho vay tiêu dùng hay không ?

Đáp án: d

334. Trong các nguyên nhân phát sinh rủi ro tín dụng dưới đây, nguyên nhân nào không phải là nguyên nhân khách quan đối với Ngân hàng?

Đáp án: c

335. Rủi ro tín dụng không bao gồm rủi ro nào sau đây?

Đáp án: a

336. Tại sao phải xác định giới hạn bảo lãnh của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ?

Đáp án: a

337. Theo anh (chị) đồng tài trợ được áp dụng trong những trường hợp nào sau đây?

Đáp án: e

338. TSDB của khách hàng bị giảm giá trị trong khoảng thời gian vay vốn, Ngân hàng nên xử lý như thế nào?

Đáp án: b

339. Một công ty được Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm để xây dựng nhà máy sản xuất hàng tiêu dùng, ngân hàng đã cho vay để xây dựng nhà máy, hai bên thoả thuận áp dụng biện pháp đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Trong trường hợp này, tài sản bảo đảm sẽ là gì/

Đáp án: b

340. Lợi ích của việc đa dạng hoá đầu tư là gì?

Đáp án: a

341. Vì sao Ngân hàng quy định chủ đầu tư phải có vốn tự có tham gia vào phương án/ dự án SXKD, đầu tư vay vốn?

Đáp án: d

342. Theo Basel 2, những phương pháp nào được sử dụng để đo lường rủi ro tín dụng?

Đáp án: a

343. Chính sách tín dụng đúng đắn và hợp lý sẽ giúp ngân hàng điều gì?

Đáp án: a

344. Sử dụng thông tin từ Trung tâm CIC sẽ giúp các NH thương mại điều gì?

Đáp án: d

345. Hoạt động cho vay đồng tài trợ không giúp cho ngân hàng điều gì sau đây?

Đáp án: b

346. Mục đích của đăng ký giao dịch bảo đảm tiền vay là gì?

Đáp án: c

347. Phân tích và thẩm định tín dụng tại các TCTD nhằm mục đích gì?

Đáp án: a

348. Sự an toàn và hiệu quả trong các hoạt động cho vay của NHTM có thể được hiểu là gì?

Đáp án: d

349. Nguyên nhân cơ bản từ phía Ngân hàng dẫn đến rủi ro trong hoạt động tín dụng?

Đáp án: b

350. Việc đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng để Ngân hàng có thể giảm thiểu rủi ro và ra quyết định cho vay đúng. Trong các trường hợp nào sau đây Ngân hàng có thể cho vay?

Đáp án: a

351. Những dấu hiệu nào sau đây để nhận biết doanh nghiệp có rủi ro tín dụng theo mô hình Basel 2?

Đáp án: e

352. Theo ý kiến của anh (chị), tài sản đảm bảo là đất ở có bắt buộc phải mua bảo hiểm rủi ro vật chất không?

Đáp án: c

353. Tại sao phải chứng minh mục đích vay hợp lệ, hợp pháp và thực hiện giải ngân đúng theo mục đích vay?

Đáp án: c

354. Quản lý rủi ro tín dụng bao gồm các nội dung nào sau đây?

Đáp án: e

355. Theo quyết định 493/2005/QĐ-NHNN, rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng được xác định như thế nào?

Đáp án: c

356. Rủi ro tín dụng có quan hệ như thế nào với chỉ tiêu tỷ lệ nợ khó đòi/tổng dư nợ quá hạn?

Đáp án: a

357. Nguyên tắc “sàng lọc và giám sát khách hàng” trong hoạt động quản lý tiền vay nhằm mục đích gì?

Đáp án: e

358. Phân biệt giữa cho vay ngắn hạn và cho vay dài hạn có ý nghĩa gì?

Đáp án: d

359. Khi một khách hàng đến vay vốn, cán bộ tín dụng có thể quyết định cho vay dựa vào yếu tố nào?

Đáp án: e

360. Khách hàng vay vốn của TCTD phải đảm bảo nguyên tắc gì?

Đáp án: d

361. Khách hàng gửi USD tại NH được một thời gian, nay có nhu cầu thế chấp sổ tiền gửi USD để vay 100% giá trị sổ (tiền lãi đến ngày

đáo hạn số lớn hơn lãi vay đến ngày đáo hạn), cán bộ tín dụng nên giải quyết như thế nào?

Đáp án: b

362. Thời hạn cho vay của một khoản vay là 12 tháng + 1 ngày. Khoản vay này thuộc thể loại cho vay gì?

Đáp án: b

363. Đánh giá tính thanh khoản của TSDB nhằm mục đích gì?

Đáp án: a

364. Để giảm thiểu rủi ro về cơ chế chính sách khi cho vay đầu tư dự án có thể sử dụng biện pháp nào sau đây?

Đáp án: a

365. Nợ vay của một khách hàng có dấu hiệu rủi ro khi nào?

Đáp án: d

366. Nguyên nhân nào sau đây không phải là nguyên nhân gây ra rủi ro tín dụng?

Đáp án: c

367. Mục đích của việc kiểm tra sau cho vay là gì?

e, Cả a, b và c

Đáp án: e

PHẦN 6: CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ TÍN DỤNG

368. Theo Quy chế cho vay đối với khách hàng được ban hành kèm theo quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN, thời hạn cho vay là khoảng thời gian được tính từ khi nào?

Đáp án a. Từ tại điều 3 Quy chế cho vay được ban hành kèm theo quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN quy định.

369. Theo Quy chế cho vay đối với khách hàng được ban hành kèm theo quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN, khi thực hiện cho vay bằng ngoại tệ, khách hàng phải tuân thủ điều gì sau đây?

Đáp án a. Theo điều 13 Quy chế cho vay được ban hành kèm theo quyết định

1627/2001/QĐ-NHNN quy định.

370. Theo Thông tư số 07/2011/NHNN-CSTT về quy định cho vay bằng ngoại tệ của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng là người cư trú, khi thực hiện cho vay bằng ngoại tệ để thanh toán ra nước ngoài tiền nhập khẩu hàng hoá, dịch vụ, khách hàng vay phải có đủ ngoại tệ để trả nợ vay từ nguồn nào?

Đáp án: b. Theo Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 07/2011/NHNN-CSTT

371. Thông tư số 07/2011/NHNN-CSTT quy định điều gì sau đây về cho vay bằng ngoại tệ của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng là người cư trú, để thanh toán ra nước ngoài tiền nhập khẩu hàng hoá, dịch vụ?

Đáp án d. Theo Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 07/2011/NHNN-CSTT

372. Thông tư số 07/2011/NHNN-CSTT quy định điều gì sau đây về cho vay bằng ngoại tệ của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng là người cư trú, khi thực hiện cho vay ngắn hạn bằng ngoại tệ để khách hàng vay thực hiện phương án sản xuất kinh doanh xuất khẩu?

Đáp án c. Điều 1 Thông tư số 07/2011/NHNN-CSTT về quy định cho vay bằng ngoại tệ của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng là người cư trú quy định.

373. Theo Quy chế cho vay đối với khách hàng được ban hành kèm theo quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN, khi thực hiện cho vay đối với khách hàng là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp 2005, khách hàng vay phải đảm bảo các điều kiện vay vốn nào sau đây?

Đáp án d. Theo quy định tại điều 7 Quy chế cho vay được ban hành kèm theo quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN.

- 374. Theo quy chế cho vay đối với khách hàng của BIDV ban hành kèm theo quyết định số 203/QĐ-HĐQT, trong thời hạn cho vay được xác định trong hợp đồng tín dụng, nếu khách hàng không trả hết số nợ phải trả và không được (hoặc tiếp tục được) Ngân hàng chấp nhận điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc, thì Ngân hàng xử lý như thế nào?**

Đáp án b. Điều 24 Quy chế cho vay đối với khách hàng ban hành kèm theo quyết định số 203/QĐ-HĐQT.

- 375. Theo Quy chế bảo lãnh ban hành kèm theo Quyết định 26/2006/QĐ-NHNN, tổng số dư bảo lãnh bao gồm những khoản nào?**

Đáp án d. Theo quy định tại điều 7 Quy chế bảo lãnh ban hành kèm theo Quyết định 26/2006/QĐ-NHNN.

- 376. Theo Quy chế bảo lãnh ban hành kèm theo Quyết định 26/2006/QĐ-NHNN, cam kết bảo lãnh là văn bản bảo lãnh của TCTD bao gồm những gì?**

Đáp án c. Theo quy định tại Khoản 2 điều 2 Quy chế bảo lãnh ban hành kèm theo Quyết định 26/2006/QĐ-NHNN.

- 377. Theo Quy chế bảo lãnh ban hành kèm theo Quyết định 26/2006/QĐ-NHNN, thời hạn bảo lãnh được xác định như thế nào?**

Đáp án a. Theo quy định tại điều 18 Quy chế bảo lãnh ban hành kèm theo Quyết định 26/2006/QĐ-NHNN.

- 378. Chính sách cấp tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp áp dụng đối với những đối tượng nào?**

Đáp án d. Theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Chính sách cấp tín dụng đối với

khách hàng doanh nghiệp.

379. Theo quy định tại Chính sách cấp tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp của BIDV, Khách hàng xếp hạng BBB quan hệ tín dụng tại BIDV được áp dụng chính sách tiếp thị khách nào?

Đáp án c. Theo quy định tại tiết a, b khoản 1 Điều 6 Chính sách cấp tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp.

380. Theo quy định tại Chính sách cấp tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp của BIDV, Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu là một trong các tiêu chí để xem xét quyết định cấp tín dụng. Tiêu chí Hệ số nợ được quy định như thế nào?

Đáp án d. Theo quy định tại gạch đầu dòng thứ thứ 3 tiết b khoản 2 Điều 6 Chính sách cấp tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp.

381. Theo quy định tại Chính sách cấp tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp của BIDV, Khách hàng xếp hạng A trên HTXHTDNB, mới quan hệ tín dụng tại BIDV, được áp dụng chính sách tài sản bảo đảm nào sau đây khi xem xét cho vay, bảo lãnh (giả sử đã đáp ứng các điều kiện cho vay khác)?

Đáp án c. Theo tiết b khoản 3 Điều 7 Chính sách cấp tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp.

382. Theo quy định tại Chính sách cấp tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp của BIDV, Khách hàng xếp hạng A có nhu cầu vay vốn đầu tư dự án tại BIDV. Tổng mức đầu tư dự án là 90 tỷ đồng thì khách hàng phải có vốn chủ sở hữu tham gia tối thiểu là bao nhiêu?

Đáp án b. Vì theo quy định tại tiết a khoản 3 Điều 7 Chính sách cấp tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp, khách hàng xếp hạng A vay vốn đầu tư dự án phải có vốn chủ sở hữu tham gia tối thiểu 17%, $15,3 \text{ tỷ đồng} = 17\% \times 90 \text{ tỷ đồng}$.

383. Theo quy định tại Chính sách cấp tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp của BIDV, Khách hàng xếp hạng AA có nhu cầu vay vốn đầu tư dự án tại BIDV. Tổng mức đầu tư dự án là 150 tỷ đồng thì khách hàng phải có vốn chủ sở hữu tham gia tối thiểu là bao nhiêu?

Đáp án a. Vì theo quy định tại tiết a khoản 1 Điều 7 Chính sách cấp tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp, khách hàng xếp hạng A vay vốn đầu tư dự án phải có vốn chủ sở hữu tham gia tối thiểu 15%, $22,5 \text{ tỷ đồng} = 15\% \times 150 \text{ tỷ đồng}$.

384. Khách hàng là doanh nghiệp mới thành lập chưa đủ điều kiện xếp hạng tại Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ không được Chi nhánh BIDV xem xét cho vay vốn đầu tư dự án với tổng mức đầu tư 100 tỷ khi nào?

Đáp án d. Vì theo quy định tại Điều 9 Chính sách cấp tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp, thì khách hàng là doanh nghiệp mới thành lập chưa đủ điều kiện xếp hạng tại Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ phải có vốn chủ sở hữu tham gia tối thiểu 30% tổng mức đầu tư dự án.

385. Khách hàng nào được xem xét cho vay không có bảo đảm bằng tài sản?

Đáp án e. Theo quy định tại Tiết b khoản 3 Điều 6 Chính sách cấp tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp.

386. Công ty X được chia tách thành 02 Công ty, giả sử trong đó có Công ty Y được xếp hạng AA. Công ty Y muốn tiếp tục quan hệ tín dụng tại BIDV. Công ty Y được chi nhánh BIDV xem xét cấp tín dụng khi đáp ứng điều kiện về tỷ lệ tài sản bảo đảm như thế nào?

Đáp án e. Vì theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Chính sách cấp tín dụng đối với

khách hàng doanh nghiệp thì khách hàng sau chia tách có báo cáo tài chính riêng được áp dụng chính sách như khách hàng đủ điều kiện xếp hạng tại Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ. Khách hàng xếp hạng AA phải đáp ứng tỷ lệ tài sản bảo đảm tối thiểu 30% nếu có hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu $> 2,5$ lần, không nhất thiết phải có tài sản bảo đảm nếu có hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu $\leq 2,5$ lần.

387. Một khoản bảo lãnh thực hiện hợp đồng với số tiền bảo lãnh là 50 tỷ đồng thì số dư bảo lãnh sau khi quy đổi để thực hiện chính sách về tài sản bảo đảm đối với nghĩa vụ bảo lãnh là bao nhiêu?

Đáp án b. Theo quy định tại dấu cộng (+) thứ hai, gạch đầu dòng thứ 3 tiết a khoản 3 Điều 6 Chính sách cấp tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp thì loại hình bảo lãnh thực hiện hợp đồng được nhân với hệ số quy đổi là 30%.

388. Theo quy định tại Chính sách cấp tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp của BIDV, trường hợp khách hàng chưa đủ tài sản bảo đảm theo quy định tại thời điểm ký kết hợp đồng, thì xử lý như thế nào?

Đáp án c. Theo quy định tại gạch đầu dòng thứ 1 tiết a khoản 3 Điều 6 Chính sách cấp tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp.

389. Khách hàng đã vay đầu tư dự án 100 tỷ đồng với TSBD là tài sản hình thành từ vốn vay. Tài sản hình thành từ vốn vay là nhà xưởng và các máy móc thiết bị đã hoàn thành và hoàn thiện các quy định về bảo đảm của BIDV, với giá trị định giá là 120 tỷ đồng. Dư nợ vay còn lại của hợp đồng này là 60 tỷ thì giá trị tài sản bảo đảm được dùng để đảm bảo cho khoản vay khác là bao nhiêu?

Đáp án d. Vì theo quy định tại dấu cộng (+) thứ 2, gạch đầu dòng thứ 2, tiết a khoản 3 Điều 6 Chính sách cấp tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp quy định: tài sản bảo đảm hình thành từ vốn vay được bảo đảm cho khoản vay khác khi tài sản đã hoàn thành và giá trị tài sản bảo đảm để bảo đảm cho khoản vay mới sẽ là giá trị tài sản bảo đảm sau quy đổi theo Hệ số GTTSBD trừ đi phần dư

nợ vay còn lại của khoản vay đã được bảo đảm bằng tài sản đó, 36 tỷ đồng = $120 \times 0.8 - 60$.

390. Trường hợp khách hàng đang quan hệ tín dụng tại BIDV bị giảm mức xếp hạng thì thực hiện như thế nào?

Đáp án c. Theo quy định tại tiết đ khoản 2 Điều 11 Chính sách cấp tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp.

391. Theo quy định tại Chính sách cấp tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp của BIDV, Khách hàng xếp hạng B đang quan hệ tín dụng tại BIDV được xem xét cấp tín dụng như thế nào?

Đáp án d. Theo quy định tại gạch đầu dòng thứ hai tiết a khoản 6 Điều 7 Chính sách cấp tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp.

392. Theo quy định tại Chính sách cấp tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp của BIDV, Đối với khách hàng xếp hạng B, BIDV chấp nhận các loại tài sản đảm bảo nào sau đây?

Đáp án g. Theo quy định tại gạch đầu dòng thứ nhất tiết b khoản 6 Điều 7 Chính sách cấp tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp.

393. Khách hàng xếp hạng A quan hệ tín dụng tại BIDV với hợp đồng hạn mức cho vay ngắn hạn là 30 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh là 40 tỷ đồng trong đó hạn mức bảo lãnh thực hiện hợp đồng là 25 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh bảo đảm chất lượng sản phẩm là 15 tỷ đồng, thì giá trị tài sản bảo đảm sau quy đổi khách hàng phải đáp ứng tối thiểu là bao nhiêu?

Đáp án b. Theo quy định, loại hình bảo lãnh thực hiện hợp đồng có hệ số quy đổi là 30%, loại hình bảo lãnh bảo đảm chất lượng có hệ số quy đổi là 20%, nên số tiền vay, bảo lãnh sau quy đổi là: $30 + 30\% \cdot 25 + 20\% \cdot 15 = 40,5$ tỷ đồng. Theo quy định khách hàng xếp hạng A phải đáp ứng tỷ lệ tài sản bảo đảm tối thiểu 50% nên giá trị tài sản bảo đảm sau quy đổi khách hàng phải đáp ứng tối thiểu là 20,25 tỷ đồng.

394. Khách hàng xếp hạng BBB đang quan hệ tín dụng tại BIDV, có tài sản thế chấp là: (1) Trụ sở làm việc có giá trị định giá là 15 tỷ đồng, (2) phân xưởng sản xuất và máy móc thiết bị có giá trị là 20 tỷ đồng, thì khách hàng được xem xét cho vay tối đa như thế nào? Giả sử các tài sản bảo đảm của khách hàng là tài sản hợp pháp và BIDV đã thực hiện đầy đủ các quy định về bảo đảm tiền vay đối với tài sản.

Đáp án f. Theo quy định về giao dịch bảo đảm trong cho vay của BIDV thì loại tài sản là bất động sản, máy móc thiết bị có hệ số giá trị tài sản bảo đảm là 0.8, nên giá trị tài sản bảo đảm sau quy đổi là $(15+20) \cdot 0.8 = 28$ tỷ đồng. theo quy định tại tiết b khoản 4 Điều 7 Chính sách cấp tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp thì khách hàng xếp hạng BBB phải đáp ứng tỷ lệ tài sản bảo đảm tối thiểu 70%, nên số tiền cho vay tối đa là: $28/0.7 = 40$ tỷ đồng. Theo quy định tại gạch đầu dòng thứ nhất tiết a khoản 4 Điều 7 thì khách hàng xếp hạng BBB được xem xét cấp tín dụng theo hạn mức hoặc theo món, nên phương án trả lời là a và c.

395. Khách hàng xếp hạng BBB quan hệ vay vốn lần đầu tại Chi nhánh BIDV có nhu cầu vay vốn tín dụng ngắn hạn với số tiền 20 tỷ đồng. Khách hàng được chi nhánh BIDV xem xét cho vay khi khách hàng có giá trị tài sản bảo đảm sau quy đổi tối thiểu là bao nhiêu?

Đáp án c. Theo quy định tại gạch đầu dòng thứ 2 tiết b khoản 1 Điều 6 Chính sách cấp tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp thì khách hàng xếp hạng BBB mới quan hệ tín dụng với BIDV được áp dụng chính sách tương đương với

khách hàng đã và đang quan hệ tín dụng tại BIDV trong 01 chu kỳ sản xuất kinh doanh, nhưng tối thiểu là 06 tháng.

396. Khách hàng xếp hạng AAA có nhu cầu vay vốn lưu động ngắn hạn hạn mức. Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu của khách hàng theo báo cáo tài chính năm gần nhất là 3 lần. Khách hàng được chi nhánh BIDV xem xét cho vay khi nào?

Đáp án b. Vì theo quy định khách hàng xếp hạng AAA có hệ số nợ phải trả >2,5 lần thì phải đáp ứng tỷ lệ tài sản bảo đảm tối thiểu 20%.

397. Khách hàng xếp hạng AAA ngành chế biến thủy hải sản theo phân ngành tại Hệ thống XHTDNB của BIDV có hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính năm gần nhất là 6,9 lần. Khách hàng có nhu cầu vay vốn đầu tư dự án với tổng mức đầu tư là 150 tỷ đồng. Chi nhánh thực hiện cho vay như thế nào?

Đáp án d. Theo quy định tại dấu cộng thứ 2, gạch đầu dòng thứ ba khoản 2 Điều 6 Chính sách cấp tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp thì ngành chế biến thủy hải sản phải có hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu ≤ 6 . Theo quy định tại tiết c và d khoản 2 Điều 11 Chính sách cấp tín dụng thì trường hợp khách hàng chưa đáp ứng các điều kiện cấp tín dụng thì chi nhánh trình Hội sở chính xem xét phê duyệt khi khách hàng đáp ứng tối thiểu 70% mức quy định về vốn chủ sở hữu và tỷ lệ tài sản bảo đảm quy định. Mức vốn chủ sở hữu tham gia và tỷ lệ tài sản bảo đảm quy định đối với khách hàng xếp hạng AAA lần lượt là 15% và 20%. Tức là khách hàng này phải có vốn chủ sở hữu tham gia tối thiểu là 22,5 tỷ đồng = $70\% \times (15\% \times 150)$ và giá trị tài sản bảo đảm sau quy đổi tối thiểu là 21 tỷ đồng = $70\% \times (20\% \times 150)$.

398. Cấp thực hiện thẩm quyền thay cấp thẩm quyền đi vắng phải đảm bảo yếu tố nào sau đây?

Đáp án e. Theo quy định tại Điểm đ, Khoản 1 Điều 21 QĐ 3999.

399. Phòng Giao dịch chỉ có 01 lãnh đạo (Giám đốc, Phó Giám đốc phụ trách Phòng Giao dịch) thì thực hiện thẩm quyền cấp tín dụng như thế nào?

Đáp án b. Theo quy định tại Mục 2 Công văn số 6327/CV-TCCB3.

400. Nhiệm vụ nào sau đây không phải là nhiệm vụ của Bộ phận QHKH?

Đáp án c. Vì việc tính toán trích lập DPRR là nhiệm vụ của Bộ phận QTTD quy định tại Khoản 2 Điều 12 QĐ 3999.

401. Nhiệm vụ nào sau đây không phải là nhiệm vụ của Bộ phận QLRR?

Đáp án d. Vì đây là nhiệm vụ của bộ phận QTTD quy định tại Khoản 2 Điều 12 QĐ 3999.

402. Nhiệm vụ nào sau đây không phải là nhiệm vụ của Bộ phận quản trị tín dụng?

Đáp án b. Vì là nhiệm vụ của Bộ phận QHKH quy định tại Khoản 1 Điều 12 QĐ 3999.

403. Phó Giám đốc QHKH ký trên tờ trình đề xuất giải ngân của Bộ phận QHKH trong những trường hợp nào sau đây?

Đáp án c. Vì PGĐ QHKH chỉ phải ký trên Đề xuất giải ngân trong trường hợp thiếu chứng từ giải ngân và/hoặc chưa đủ điều kiện giải ngân hoặc Giám đốc Chi nhánh yêu cầu PGĐ QHKH ký phê duyệt trên Đề xuất giải ngân (quy định tại Khoản 1 Điều 11 QĐ 3999).

404. Giới hạn tín dụng đối với dự án đầu tư trung dài hạn được xác định như thế nào?

Đáp án c. Theo Khoản 18, Điều 4 QĐ 3999.

405. Cho vay/bảo lãnh có bảo đảm 100% bằng cầm cố sổ tiết kiệm, chứng từ có giá hoặc tiền gửi thì Báo cáo đề xuất tín dụng thực hiện như thế nào?

Đáp án b. Theo quy định tại Mục 2.7 Khoản 2 Điều 7 QĐ 3999.

406. Báo cáo đề xuất tín dụng của các khoản tín dụng vượt thẩm quyền của Phòng Giao dịch sẽ được trình về bộ phận nào?

Đáp án c. Theo quy định tại Mục 3.1b Khoản 3 Điều 7 QĐ 3999.

407. Đối với các khoản tín dụng phải qua thẩm định rủi ro, khi PGĐ QHKK từ chối thì Hồ sơ sẽ được chuyển cho bộ phận nào?

Đáp án: b (quy định tại Điều 7 QĐ 3999).

408. Các khoản cho vay tài trợ dự án vượt thẩm quyền phê duyệt của chi nhánh sẽ được chuyển về bộ phận nào?

Đáp án: b (quy định tại Khoản 4 Điều 7 QĐ 3999)

409. Các khoản tín dụng của khách hàng doanh nghiệp vượt thẩm quyền Phòng giao dịch thì thực hiện như thế nào?

Đáp án b. Theo quy định tại Khoản 3 Điều 7 QĐ 3999.

410. Nếu Bộ phận QTTD và Bộ phận QHKK không thống nhất về nội dung Thư bảo lãnh/Hợp đồng bảo lãnh thì thực hiện như thế nào?

Đáp án c. Theo quy định tại Mục 2.2d Khoản 2 Điều 11 QĐ 3999.

411. Điều chỉnh tín dụng bao gồm những nội dung nào sau đây?

Đáp án d. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 13 QĐ 3999.

412. Đối với trường hợp thu nợ gốc, lãi, phí thủ công khi khách hàng trả nợ đúng hạn thì thực hiện như thế nào?

Đáp án a. Theo quy định tại Mục 2.2 Khoản 2 Điều 14.

413. Cán bộ QHKK có thể yêu cầu khách hàng trả nợ trước hạn trong trường hợp nào?

Đáp án b. Theo quy định tại Mục 2.2 Khoản 2 Điều 14.

414. Khi chi nhánh phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, cho khách hàng vay bắt buộc để thanh toán cho người thụ hưởng thì thực hiện như thế nào?

Đáp án b. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 16 QĐ 3999.

415. Đối với trường hợp khách hàng mở L/C bằng vốn tự có kí quỹ 100% trị giá L/C cùng loại tiền tệ với loại tiền tệ của L/C thì thực hiện như thế nào?

Đáp án c. Theo quy định tại Khoản 1 Mục IA Phụ lục III QĐ 3999.

416. Các sửa đổi L/C nào mà việc phê duyệt sửa đổi phải được thực hiện như các bước phê duyệt mở L/C?

Đáp án c. Theo quy định tại Mục II Phụ lục III QĐ 3999.

417. Thời gian thực hiện kiểm tra sử dụng vốn vay sau khi giải ngân là bao nhiêu?

Đáp án d. Theo quy định tại Phụ lục X/TDDN-Hướng dẫn kiểm tra mục đích sử dụng vốn vay QĐ 3999.

418. Theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng thương mại được xử lý rủi ro đối với khoản nợ trong trường hợp nào sau đây?

Đáp án d. Theo Điều 10 QĐ 493/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005 và QĐ 18/QĐ-NHNN ngày 25/4/2007.

419. Ngân hàng sử dụng nguồn nào để xử lý rủi ro tín dụng?

Đáp án c. Theo Điều 12 QĐ 493/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005.

420. Theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, thứ tự sử dụng quỹ dự phòng rủi ro được quy định như thế nào?

Đáp án b. Điều 11 QĐ 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005.

421. Trường hợp số tiền dự phòng không đủ để xử lý toàn bộ rủi ro tín dụng của các khoản nợ phải xử lý, tổ chức tín dụng sử dụng nguồn nào để xử lý rủi ro tín dụng?

Đáp án b. Điều 12 QĐ 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005.

422. Trường hợp số tiền dự phòng đã trích còn lại lớn hơn số tiền dự phòng phải trích, tổ chức tín dụng xử lý như thế nào?

Đáp án a. Điều 12 QĐ 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005.

423. Ngân hàng có thông báo cho khách hàng về việc khoản nợ bị xử lý rủi ro tín dụng hay không?

Đáp án b. Điều 11 QĐ 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005.

424. Khoản nợ đã xử lý rủi ro tín dụng được tính lãi như thế nào?

Đáp án b. Theo Điều 5 QĐ 0918/QĐ-HĐQT ngày 24/9/2009.

425. Cấp nào có thẩm quyền xét duyệt khoản nợ đủ điều kiện sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng?

Đáp án c. Theo Điều 14 QĐ 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005.

426. Sau năm (05) năm kể từ ngày sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng, tất cả các tổ chức tín dụng được quyền xuất toán các khoản nợ đã được xử lý rủi ro tín dụng ra khỏi ngoại bảng.. Đúng hay sai?

Đáp án b. Theo Điều 1 QĐ 18/2007/QĐ-NHNN: Sau năm (05) năm kể từ ngày sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng, tổ chức tín dụng được xuất toán các khoản nợ đã được xử lý rủi ro tín dụng ra khỏi ngoại bảng. Riêng đối với các ngân hàng thương mại Nhà nước, việc xuất toán chỉ được phép thực hiện khi có đầy đủ hồ sơ, tài liệu chứng minh đã sử dụng mọi biện pháp thu hồi nợ nhưng không thu được nợ và phải được Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

427. Mọi khoản tiền thu hồi được từ các khoản nợ đã được xử lý rủi ro tín dụng bằng dự phòng rủi ro được hạch toán vào đâu?

Đáp án a. Điều 16 QĐ 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005.

428. Theo quy định hiện hành của BIDV, điều kiện xử lý rủi ro trong trường hợp khách hàng là cá nhân bị chết/mất tích như thế nào?

Đáp án c. Theo Điều 8 QĐ 0918/QĐ-HĐQT ngày 24/9/2009.

429. Theo quy định hiện hành của BIDV, điều kiện xử lý rủi ro trong trường hợp khách hàng là tổ chức, doanh nghiệp bị giải thể, phá sản là thế nào?

Đáp án c. Theo Điều 8 QĐ 0918/QĐ-HĐQT ngày 24/9/2009.

430. Theo quy định hiện hành của BIDV, điều kiện xử lý rủi ro trong trường hợp khoản nợ xếp nhóm 5 là thế nào?

Đáp án b. Theo Điều 8 QĐ 0918/QĐ-HĐQT ngày 24/9/2009.

431. Theo quy định hiện hành của NHNNVN, một trong các nguyên tắc để các TCTD quyết định miễn, giảm lãi vốn vay phải trả đối với khách hàng là thế nào?

Đáp án a. Theo khoản 7 Điều 1 QĐ số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của NHNN v/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của TCTD đối với khách hàng ban hành theo QĐ số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc NHNNVN.

432. Theo quy định hiện hành của BIDV, trường hợp Bên vay là Công ty cổ phần và có thiện chí trả nợ, tài liệu chứng minh tình hình tài chính khó khăn bắt buộc phải có là gì?

Đáp án b. Theo quy định tại Điều 10, khoản 2, mục c - Quy chế giảm, miễn lãi ban hành kèm theo QĐ số 908/QĐ-HĐQT ngày 08/10/2008, yêu cầu tài liệu chứng minh tình hình tài chính là: Báo cáo tài chính hai năm liền trước (trừ trường hợp tổ chức mới thành lập và hoạt động) và báo cáo tài chính quý gần nhất hoặc báo cáo tài chính quý cách thời điểm xét giảm, miễn lãi tối đa không quá 06 tháng trong trường hợp không có báo cáo tài chính quý gần nhất (bắt buộc đối với Doanh nghiệp nhà nước và nếu có đối với các Doanh nghiệp khác) thể hiện thua lỗ hoặc có lỗ lũy kế đối với Bên vay là doanh nghiệp.

433. Theo quy định hiện hành của BIDV, Thẩm quyền giảm, miễn lãi của Tổng giám đốc được quy định như thế nào?

Đáp án b. Theo quy định của BIDV tại Quy chế giảm, miễn lãi ban hành kèm theo QĐ số 908/QĐ-HĐQT ngày 08/10/2008, Tổng Giám đốc xem xét, quyết định giảm, miễn lãi đối với mọi trường hợp vượt thẩm quyền của Chi nhánh và tối đa đến 1.000 triệu đồng đối với một khách hàng trong năm.

434. Theo quy định hiện hành của BIDV, trường hợp Bên vay bị mất việc làm, thời điểm xét giảm, miễn lãi được xác định như thế nào?

Đáp án c. Theo Điều 14, khoản 3 - Quy chế giảm, miễn lãi ban hành theo Quyết định số 908 /QĐ-HĐQT ngày 08/10/2008 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

435. Theo quy định hiện hành của BIDV, trường hợp Bên vay đã tự tan rã, giải thể hoặc phá sản, mức giảm, miễn lãi được xác định như thế nào?

Đáp án b. Theo Điều 17, khoản 4 - Quy chế giảm, miễn lãi ban hành theo Quyết định số 908 /QĐ-HĐQT ngày 08/10/2008 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

436. Theo quy định hiện hành của BIDV, trường hợp Bên vay bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch hoạ, hoả hoạn, dịch bệnh, thời điểm xét giảm, miễn lãi được xác định như thế nào?

Đáp án d. Theo Điều 9, khoản 3 - Quy chế giảm, miễn lãi ban hành theo Quyết định số 908 /QĐ-HĐQT ngày 08/10/2008 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

437. Theo quy định hiện hành của BIDV, thẩm quyền giảm, miễn lãi của Hội đồng xử lý rủi ro được quy định như thế nào?

Đáp án d. Theo quy định của BIDV tại Quy chế giảm, miễn lãi ban hành kèm theo QĐ số 908/QĐ-HĐQT ngày 08/10/2008, Hội đồng xử lý rủi ro xem xét, quyết định giảm, miễn lãi với mọi trường hợp vượt thẩm quyền của Tổng Giám đốc.

438. Theo Điều 6 QĐ 493/2005/QĐ-NHNN và QĐ 18/2007/QĐ-NHNN, khi khách hàng có dấu hiệu nào sau đây thì dư nợ của khách hàng bị coi là nợ xấu?

Đáp án c.

439. Theo Điều 6 QĐ 493/2005/QĐ-NHNN và QĐ 18/2007/QĐ-NHNN, các khoản nợ nào sau đây không được phân loại vào nhóm 3?

Đáp án c.

440. Dư nợ của khách hàng xếp hạng nào sau đây được phân loại vào nhóm 3?

Đáp án d.

441. Theo quy định tại Điều 6 Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và QĐ 18/2007/QĐ-NHNN, đối với các khoản nợ ngắn hạn cơ cấu lại thời hạn trả nợ, trường hợp nào sau đây được phân loại vào nhóm nợ có độ rủi ro thấp hơn (kể cả nhóm 1)?

Đáp án a.

442. Trường hợp khách hàng không thuộc đối tượng xếp hạng theo Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, các khoản nợ nào sau đây được phân loại vào nhóm 4?

Đáp án d.

443. Trường hợp khách hàng không thuộc đối tượng xếp hạng theo Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, các khoản nợ nào sau đây được phân loại vào nhóm 5?

Đáp án a.

444. Đối với khách hàng có quan hệ tín dụng từ hai chi nhánh trở lên trong hệ thống BIDV, nếu có sự khác biệt về nhóm nợ tại các chi nhánh thì việc phân loại nợ tại các chi nhánh được thực hiện theo nguyên tắc nào?

Đáp án d.

445. Đối với khách hàng không thuộc đối tượng xếp hạng theo Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, các khoản nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng được phân loại vào nhóm nợ nào sau đây?

Đáp án b.

446. Dự phòng chung được trích lập đối với những nhóm nợ nào sau đây?

Đáp án a.

447. Tỷ lệ trích lập dự phòng cụ thể đối với nợ nhóm 3 là bao nhiêu?

Đáp án c.

448. Theo quy định của NHNN tại QĐ 493/2005/QĐ-NHNN và QĐ 18/2007/QĐ-NHNN, tài sản bảo đảm đưa vào để khấu trừ khi tính số tiền dự phòng cụ thể phải đáp ứng điều kiện nào sau đây?

Đáp án e.

449. Tỷ lệ khấu trừ tối đa đối với TSĐB là bất động sản để trích lập dự phòng cụ thể là bao nhiêu?

Đáp án b

450. Theo hướng dẫn tại Công văn 5058/CV-QLTD4 v/v tính toán mức dự phòng rủi ro phải trích và công văn 6737/CV-QLTD4 ngày 26/11/2009 v/v phân loại nợ và trích lập DPRR 2009, tỷ lệ chấp thuận theo tính pháp lý đối với bất động sản hợp lệ là bao nhiêu?

Đáp án c

451. Theo hướng dẫn tại Công văn 5058/CV-QLTD4 v/v tính toán mức dự phòng rủi ro phải trích, tỷ lệ chấp thuận theo khả năng phát mại đối với TSĐB được đánh giá dễ phát mại là bao nhiêu?

Đáp án c.

452. Theo hướng dẫn tại Công văn 5058/CV-QLTD4 v/v tính toán mức dự phòng rủi ro phải trích, tỷ lệ chấp thuận theo khả năng phát mại đối với TSĐB được đánh giá khả năng phát mại ở mức bình thường là bao nhiêu?

Đáp án a.

453. Trọng số của phần tài chính và phi tài chính theo Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ đối với khách hàng doanh nghiệp có báo cáo tài chính được kiểm toán là bao nhiêu?

Đáp án a.

454. Theo Điều 6 QĐ 493/2005/QĐ-NHNN và QĐ 18/2007/QĐ-NHNN, các khoản nợ quá hạn 180 ngày được phân loại vào nhóm nào sau đây?

Đáp án b.

455. Theo Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, khi cán bộ xếp hạng không thể xác định được tình trạng nợ quá hạn của khách hàng tại các ngân hàng khác trong 12 tháng qua, điểm số đối với chỉ tiêu này sẽ được chấm ở mức nào?

Đáp án e.

456. Đối với khách hàng bị âm vốn chủ sở hữu và kinh doanh có lãi trong năm tài chính gần nhất, việc phân loại nợ đối với các khoản nợ của khách hàng này dựa trên yếu tố gì?

Đáp án a.

457. Tỷ lệ khấu trừ tối đa đối với TSĐB là số dư trên tài khoản tiền gửi bằng ngoại tệ do tổ chức tín dụng phát hành để trích lập dự phòng cụ thể là bao nhiêu?

Đáp án b.

458. Bộ phận nào phê duyệt kết quả xếp hạng tín dụng nội bộ tại chi nhánh?

Đáp án d.

459. Theo Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, quy mô của doanh nghiệp được xác định dựa trên tiêu chí nào sau đây?

Đáp án a.

460. Theo Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, việc xếp hạng khách hàng được dựa trên yếu tố gì?

Đáp án e.

461. Theo Điều 6 QĐ 493/2005/QĐ-NHNN và QĐ 18/2007/QĐ-NHNN, các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên phân loại vào nhóm nào sau đây/

Đáp án d.

462. Theo QĐ 493/2005/QĐ-NHNN và QĐ 18/2007/QĐ-NHNN, tỷ lệ khấu trừ tối đa áp dụng đối với loại tài sản đảm bảo nào sau đây là cao nhất?

Đáp án d.

463. Một khách hàng có báo cáo tài chính được kiểm toán với ý kiến kiểm toán trái ngược thì trọng số của các chỉ tiêu tài chính và phi tài chính theo thứ tự là bao nhiêu?

Đáp án a.

464. Khách hàng A dư nợ 100 tỷ, nợ cơ cấu là 20 tỷ, nợ quá hạn 10 ngày là 50 tỷ. Theo Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, tỷ trọng nợ cơ cấu trên tổng dư nợ tại thời điểm đánh giá của khách hàng này là bao nhiêu?

Đáp án d. Trong trường hợp khách hàng có nợ quá hạn, thì sẽ coi như khách hàng này phải cơ cấu lại 100% dư nợ để đảm bảo mức điểm chấm cho khách hàng rơi vào mức điểm thấp nhất.

465. Dư nợ của khách hàng xếp hạng nào sau đây được phân loại vào nhóm 4?

Đáp án a.

466. Doanh nghiệp A có doanh thu năm 2008 là 120 tỷ, năm 2009 là 110 tỷ và năm 2010 là 150 tỷ. Theo Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, tốc độ tăng

trưởng doanh thu thuần trung bình của doanh nghiệp trong 3 năm là bao nhiêu?

Đáp án c. Vì:

Tăng trưởng doanh thu năm 2009 so với 2008 là $(110-120)/120 = -8.33\%$

Tăng trưởng doanh thu năm 2010 so với 2009 là $(150-110)/110 = 36.37\%$

Tốc độ tăng trưởng trung bình = $(-8.33+36.37)/2 = 14\%$

467. Theo QĐ 493/2005/QĐ-NHNN và QĐ 18/2007/QĐ-NHNN, các khoản nợ khoanh, nợ chờ xử lý được phân loại vào nhóm nợ nào sau đây?

Đáp án d.

PHẦN 7: TỔNG QUAN VỀ HỆ THỐNG NGÂN HÀNG

468. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được thành lập từ năm nào?

Đáp án: a

469. Ngân hàng thương mại nào được thành lập sớm nhất tại Việt Nam?

Đáp án: a

470. Tính đến hết năm 2010, hệ thống NHTMVN có bao nhiêu NHTM Nhà nước đang hoạt động?

Đáp án: c

471. Tính đến hết năm 2010, trong hệ thống NHTMVN có bao nhiêu NHTM 100% vốn nước ngoài đang hoạt động?

Đáp án: c

472. Tính đến hết năm 2010, trong hệ thống NHTMVN có bao nhiêu Ngân hàng Liên doanh đang hoạt động?

Đáp án: c

473. Tính đến hết năm 2010, hệ thống NHTMVN có bao nhiêu NHTM CP đang hoạt động?

Đáp án: b

474. Tính đến hết năm 2010, hệ thống NHTMVN có bao nhiêu chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đang hoạt động?

Đáp án: b

475. Tổng dư nợ của Khối NHTMNN đến hết năm 2010 chiếm bao nhiêu phần trăm (%) tổng dư nợ toàn hệ thống?

Đáp án: a

476. Huy động vốn của Khối NHTMNN năm 2010 chiếm bao nhiêu phần trăm (%) tổng nguồn huy động vốn toàn hệ thống:

Đáp án: c

477. Tổng tài sản của Khối NHTMNN năm 2010 chiếm bao nhiêu phần trăm (%) tổng tài sản toàn hệ thống?

Đáp án: c

478. Tổng dư nợ toàn hệ thống Ngân hàng Việt Nam đến hết năm 2010 là bao nhiêu?

Đáp án: c

479. Ngân hàng thương mại nào sau đây có vốn điều lệ lớn nhất hệ thống tính đến hết năm 2010?

Đáp án: b

480. NHTM nào sau đây có tổng tài sản lớn nhất hệ thống năm 2010 ?

Đáp án: d

481. Ngân hàng thương mại nào sau đây có lợi nhuận sau thuế lớn nhất hệ thống năm 2010?

Đáp án: b

482. Ngân hàng thương mại nhà nước nào sau đây đã thực hiện cổ phần hóa

Đáp án: d

483. Ngân hàng nước ngoài nào sau đây đã thành lập Ngân hàng con tại Việt Nam?

Đáp án: d

484. Theo quy định tại Nghị định 141/2006/NĐ-CP, các ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam phải đáp ứng mức vốn điều lệ tối thiểu là bao nhiêu?

Đáp án: b

485. Theo quy định hiện hành, tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan của các nhà đầu tư nước ngoài không được vượt quá bao nhiêu vốn điều lệ của một NHTM Việt Nam?

Đáp án: b

486. Tính đến năm 2010, hệ thống Ngân hàng Việt Nam có bao nhiêu hệ thống chuyển mạch liên ngân hàng?

Đáp án c

487. Các chiến lược cốt lõi được đề xuất trong lộ trình chiến lược cho hệ thống Ngân hàng Việt Nam giai đoạn 2011 -2012 là gì?

Đáp án: e

PHẦN 8: QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC

I. Các khái niệm cơ bản

488. Định nghĩa nào sau đây phù hợp nhất cho khái niệm “Chiến lược”?

Đáp án: a

489. Quản trị chiến lược gồm những nội dung gì?

Đáp án: a

490. Những nội dung nào sau đây là nhiệm vụ của công tác quản trị chiến lược tại doanh nghiệp?

Đáp án: d

491. Chiến lược có thể được chia thành những cấp độ nào?

Đáp án: a

492. *Mục tiêu của công tác xây dựng chiến lược trong doanh nghiệp là gì?*

Đáp án: c

493. *Định nghĩa nào sau đây phù hợp nhất cho khái niệm “Tầm nhìn” trong chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp?*

Đáp án: a

494. *Tuyên bố về tầm nhìn của một doanh nghiệp trả lời cho câu hỏi nào sau đây?*

Đáp án: a

495. *Sứ mệnh của một doanh nghiệp có thể hiểu là gì?*

Đáp án: c

496. *Tuyên bố về sứ mệnh của một doanh nghiệp trả lời cho câu hỏi nào sau đây?*

Đáp án: b

497. *Tuyên bố về mục tiêu của một doanh nghiệp trả lời cho câu hỏi nào sau đây?*

Đáp án: c

498. *Giá trị cốt lõi của một Doanh nghiệp là gì?*

Đáp án: c

499. *“Trở thành ngân hàng cổ phần hàng đầu ở Việt Nam trong các mảng thị trường lựa chọn tại các khu vực đô thị lớn,” Tuyên bố trên là:*

Đáp án: b

500. *“Hợp tác – Tin cậy – Sáng tạo – Chuyên nghiệp – Hiệu quả” có thể là tuyên bố về điều gì của một doanh nghiệp?*

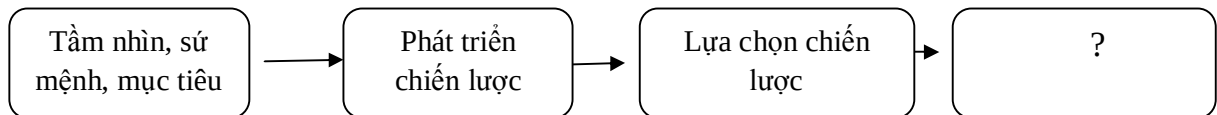
Đáp án: b

501. *“Mang lại sự thịnh vượng đến với cộng đồng, xã hội và đến từng khách hàng” là tuyên bố về điều gì của Ngân hàng?*

Đáp án: c

II. Quy trình xây dựng chiến lược

502. *Điền vào ô trống còn thiếu trong chuỗi Quy trình lập kế hoạch chiến lược sau đây:*



Đáp án: c

503. *Trong quá trình xây dựng chiến lược kinh doanh, việc đầu tiên doanh nghiệp cần phải làm là gì?*

Đáp án: b

504. *Trong quá trình xây dựng chiến lược, để rà soát môi trường kinh doanh, ngân hàng phải thực hiện những phân tích gì?*

Đáp án: d

505. *Phân tích các nhân tố vĩ mô trong rà soát môi trường kinh doanh (phân tích P.E.S.T) bao gồm các yếu tố nào?*

Đáp án: a

506. *Mô hình Five Forces phân tích môi trường cạnh tranh dựa trên các yếu tố nào?*

Đáp án: e

507. *Phạm vi phương pháp phân tích PEST không bao gồm:*

Đáp án: b

508. *Phân tích môi trường bên ngoài giúp Ngân hàng nắm bắt được những yếu tố gì?*

Đáp án: e

509. Phân tích môi trường bên trong giúp Ngân hàng nắm bắt được những yếu tố gì?

Đáp án: f

510. Lựa chọn lợi thế cạnh tranh là quyết định nằm trong chiến lược gì?

a. Đáp án: a

511. Trong hoạch định chiến lược, việc phân tích yếu tố nào dưới đây **KHÔNG** thuộc nội dung phân tích nội tại ngân hàng?

Đáp án: b

512. Doanh nghiệp sẽ theo đuổi chiến lược tăng trưởng khi nào?

Đáp án: e

513. Trong phân tích SWOT, “Có kinh nghiệm hoạt động lâu năm trên thị trường” được xem là yếu tố gì đối với một Ngân hàng?

Đáp án: a

514. Trong phân tích SWOT, “Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế” được xem là yếu tố gì đối với một Ngân hàng?

Đáp án: f

515. Trong phân tích SWOT, “Công nghệ ngân hàng ngày càng phát triển” được xem là yếu tố gì đối với một Ngân hàng?

Đáp án: c

516. Trong phân tích SWOT, “Chế độ chính trị ổn định và được đánh giá là điểm đến an toàn cho các nhà đầu tư” được xem là yếu tố gì đối với một Ngân hàng?

Đáp án: c

517. Trong phân tích SWOT, “Quy mô vốn còn nhỏ so với các Ngân hàng trong khu vực” được xem là yếu tố gì đối với một Ngân hàng?

Đáp án: b

III. Kết quả thực hiện Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2006 - 2010

518. Tôn chỉ hoạt động của BIDV trong kỳ chiến lược 2006-2010 là gì?

Đáp án: d

519. *Tầm nhìn của BIDV trong kỳ chiến lược 2006-2010 là gì?*

Đáp án: d

520. *Mục tiêu ưu tiên đầu tiên của BIDV trong chiến lược 2006-2010 là gì?*

Đáp án: a

521. *Một trong những kết quả nổi bật của BIDV trong kỳ chiến lược 2006-2010 là gì?*

Đáp án: b

522. *Một trong những hạn chế của BIDV trong kỳ chiến lược 2006-2010 là gì?*

Đáp án: a

523. *Bài học kinh nghiệm được rút ra cho BIDV sau 5 năm thực hiện KHCL 2006-2010 là gì?*

Đáp án: d

524. *BIDV đạt được mục tiêu cải thiện tỷ lệ nợ xấu theo KHCL đặt ra trong giai đoạn 2006-2010 từ năm nào?*

Đáp án: b

525. *BIDV đạt được chỉ tiêu ROA theo thông lệ quốc tế (>1%) từ năm nào?*

Đáp án: c

526. *Đến cuối kỳ chiến lược 2006-2010, ROE của BIDV đạt bao nhiêu?*

Đáp án: c

527. *Đến cuối kỳ chiến lược 2006-2010, ROA của BIDV đạt bao nhiêu?*

Đáp án: d

528. *Thị phần huy động vốn của BIDV 5 năm qua có xu hướng như thế nào?*

Đáp án: b

529. Trong kỳ chiến lược 2006-2010, BIDV CHƯA hoàn thành được chỉ tiêu cơ bản nào sau đây?

Đáp án: a

530. Thị phần tín dụng của BIDV đến năm 2010 xếp thứ bao nhiêu trong toàn hệ thống?

Đáp án: b

531. Thị phần huy động vốn của BIDV đến năm 2010 xếp thứ bao nhiêu trong toàn hệ thống?

Đáp án: b

532. Theo số liệu năm 2010, tổng tài sản của BIDV xếp thứ bao nhiêu trong toàn hệ thống?

Đáp án: c

533. Lợi nhuận trước thuế của BIDV đến hết năm 2010 đứng thứ bao nhiêu trong toàn hệ thống?

Đáp án: b

534. Đến hết năm 2010, mạng lưới chi nhánh của BIDV đứng thứ bao nhiêu trong toàn hệ thống?

Đáp án: c

535. Tốc độ huy động vốn bình quân 05 năm giai đoạn 2006-2010 của BIDV đạt bao nhiêu?

Đáp án: c

536. Tốc độ tăng trưởng tín dụng bình quân 05 năm giai đoạn 2006-2010 của BIDV đạt bao nhiêu?

Đáp án: d

537. Tỷ trọng thu dịch vụ ròng trên lợi nhuận trước thuế của BIDV năm 2010 đạt bao nhiêu?

Đáp án: b

538. Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trước thuế bình quân 05 năm giai đoạn 2006-2010 của BIDV đạt bao nhiêu?

Đáp án: c

539. *Tỷ lệ chi phí hoạt động trên tổng thu nhập của BIDV năm 2010 là bao nhiêu?*

Đáp án: c

540. *Vốn điều lệ của BIDV tính đến cuối năm 2010 là:*

Đáp án: a

541. *Moody's đánh giá xếp hạng năng lực tài chính độc lập của BIDV đến hết năm 2010 ở mức nào?*

Đáp án: d

IV. Định hướng chiến lược giai đoạn 2011-2015

542. *Quy chế xây dựng và đánh giá chiến lược của BIDV được thực hiện từ năm nào?*

Đáp án: c

543. *Mục đích của việc xây dựng và đánh giá chiến lược kinh doanh tại BIDV là gì?*

Đáp án: d

544. *Trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với Chiến lược kinh doanh của BIDV là gì?*

Đáp án: d

545. *Chiến lược kinh doanh của BIDV được phê duyệt bởi cấp lãnh đạo nào?*

Đáp án: a

546. *Yếu tố nào sau đây sẽ là thách thức đối với BIDV trong giai đoạn phát triển sắp tới?*

Đáp án: b

547. *Yếu tố nào sau đây cần được xem xét khi rà soát môi trường vĩ mô khi hoạch định chiến lược của BIDV?*

Đáp án: d

548. Yếu tố nào sau đây cần được xem xét khi rà soát môi trường kinh doanh ngành ngân hàng khi hoạch định chiến lược BIDV?

Đáp án: d

549. Chiến lược phát triển và đề án tái cơ cấu BIDV có liên quan với nhau như thế nào?

Đáp án: b

550. *Thị trường mục tiêu của BIDV hiện nay là thị trường nào?*

Đáp án: c

551. *Đơn vị nào trong hệ thống BIDV cần tham gia vào công tác quản lý chiến lược?*

Đáp án: d

552. *Phương pháp hiện nay đang được sử dụng để xây dựng kế hoạch, chiến lược tại BIDV là gì?*

Đáp án: c

PHẦN 9: CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

553. Đối với trích khấu hao TSCĐ chưa dùng, không cần dùng, chờ thanh lý được hạch toán như thế nào?

Đáp án: c

554. Các quỹ nào của Ngân hàng được trích lập từ Lợi nhuận sau thuế?

Đáp án: a

555. Các loại hình bảo hiểm nào sau đây được phép hạch toán vào chi phí của Ngân hàng?

Đáp án: d

556. Ngân hàng không được phép hạch toán vào chi phí các khoản chi hỗ trợ công tác xã hội nào sau đây?

Đáp án: b

557. Trường hợp số phải trích dự phòng rủi ro thấp hơn số dư quỹ dự phòng rủi ro thì Ngân hàng thực hiện như thế nào?

Đáp án: d

558. Ngân hàng được phép dự thu đối với các khoản nợ nào?

Đáp án: a

559. Định mức quản lý công vụ được xây dựng trên các nguyên tắc nào?

Đáp án: d

560. Lợi nhuận làm căn cứ tính định mức quản lý công vụ, công cụ lao động là lợi nhuận nào?

Đáp án: b

561. Năm 2011, mức trích nộp BHXH của Ngân hàng và người lao động là bao nhiêu?

Đáp án: c

562. Tiền lương tháng làm căn cứ tính tiền lương làm thêm giờ được xác định như thế nào?

Đáp án: c

563. Trong thời gian nghỉ thai sản, cán bộ nữ được cơ quan chỉ trả tiền lương như thế nào?

Đáp án: d

564. Cán bộ không được thanh toán tiền ăn ca trong trường hợp nào?

Đáp án: d

565. Trường hợp nào sau đây không được thanh toán công tác phí?

Đáp án: d

566. Khi đi công tác, cán bộ được thanh toán các khoản chi phí nào dưới đây?

Đáp án: b

567. Đối với cán bộ được trang bị điện thoại di động khi chuyển công tác ra ngoài hệ thống thì máy điện thoại sẽ xử lý như thế nào?

Đáp án: d

568. Đối tượng nào không được phép chi độc hại bằng hiện vật?

Đáp án: b

569. Khoản tiền phạt nào được phép hạch toán vào chi phí hợp lý của Ngân hàng?

Đáp án: c

570. Đối tượng cán bộ nào sau đây được thanh toán làm thêm giờ?

Đáp án: d

571. Theo quy định, cán bộ kế toán tài chính được làm thêm giờ tối đa là 300h/năm. Trường hợp một cán bộ làm thêm đến 320 giờ/năm thì phần 20 giờ vượt quá đó được xử lý ntnào?

Đáp án: a

572. Tại chi nhánh, lương hạch toán chi phí hàng tháng là 1 lần LCB + 02 lần LKD. Trong những ngày nghỉ phép, cán bộ của chi nhánh được hưởng lương theo mức nào?

Đáp án: c

573. Trường hợp cán bộ trong thời gian nghỉ phép theo chế độ nhưng được huy động đi làm để đáp ứng yêu cầu công việc, cán bộ được hưởng lương theo mức nào và từ nguồn nào?

Đáp án: c

574. Theo quy định, chi bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật ở mức 10.000đ/người/ngày. Đối tượng nào trong Ngân hàng được bồi dưỡng và điều kiện được bồi dưỡng là ntnào?

Đáp án: b

575. Chi khám sức khỏe định kỳ đối với cán bộ có mức chi là bao nhiêu?

Đáp án: c

576. Theo quy định, mức chi trang phục giao dịch cho cán bộ áp dụng đối với các đối tượng nào, theo hình thức nào?

Đáp án: d

577. Trong các trường hợp sau, trường hợp nào cán bộ được thanh toán công tác phí?

Đáp án: b

578. Đối tượng nào tại Chi nhánh được trang bị điện thoại cố định và hỗ trợ cước điện thoại cố định hàng tháng?

Đáp án: d

579. Những tổ chức nào tham gia bảo hiểm tiền gửi?

Đáp án: c

580. Tiền gửi được bảo hiểm là:

Đáp án: c

581. Đối tượng được bảo hiểm là:

Đáp án: b

582. Những đối tượng nào sau đây không được bảo hiểm tiền gửi?

Đáp án: e

583. Số tiền bảo hiểm được trả cho tất cả các khoản tiền gửi bao gồm cả gốc và lãi của một người gửi tiền là:

Đáp án: c

584. Mức phí bảo hiểm phải nộp theo quy định là bao nhiêu?

Đáp án: c

585. Số phí bảo hiểm tiền gửi phải nộp được tính căn cứ vào yếu tố gì?

Đáp án: c

586. Việc tham gia bảo hiểm tiền gửi là:

Đáp án: a

587. Ngân hàng không được phép hạch toán vào chi phí các khoản chi hỗ trợ công tác xã hội nào sau đây?

Đáp án: b

588. Những khoản hỗ trợ công tác xã hội nào sau đây cần phải được Hội sở chính phê duyệt:

Đáp án: c

589. Các khoản chi công tác xã hội không được phép hạch toán vào chi phí có thể được cân đối từ các nguồn vốn nào sau đây?

Đáp án: d

590. Nguồn vốn chi trợ cấp cho cán bộ thôi việc được lấy từ các nguồn nào sau đây từ thời điểm 1/1/2009 đến nay?

Đáp án: d

591. Lương tối thiểu để tính trợ cấp cho cán bộ thôi việc là mức lương nào?

Đáp án: a

592. Cán bộ được điều chuyển công tác đến BIDV thì khi nghỉ việc khoản trợ cấp đối với thời gian làm việc tại đơn vị cũ sẽ được:

Đáp án: c

593. Thâm niên công tác, thành tích thi đua có được tính khi tính trợ cấp cho cán bộ thôi việc không?

Đáp án: c

594. Trợ cấp nghỉ hưu cho cán bộ được tính dựa trên các tiêu chí nào?

Đáp án: d

595. Cán bộ nghỉ hưu trước tuổi được tính trợ cấp nghỉ hưu trong trường hợp?

Đáp án: c

596. Hiện tại BIDV đang thực hiện trợ cấp cho các cán bộ trong các trường hợp?

Đáp án: d

597. Nguồn vốn chi trả trợ cấp cho cán bộ nghỉ hưu được lấy từ?

Đáp án: b

598. Hồ sơ quyết toán chi trả trợ cấp cho cán bộ nghỉ hưu không bao gồm những nội dung gì?

Đáp án: b

599. Đối với các khoản đầu tư vào các công ty liên kết, trong báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư này được hạch toán theo phương pháp nào trong các phương pháp dưới đây:

Đáp án: c

600. Đối với các giao dịch thu *chi* trong năm, tỷ giá được sử dụng là tỷ giá nào trong các tỷ giá dưới đây:

Đáp án: a

601. Dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể được tính và hạch toán cho các khoản nợ nào sau đây:

Đáp án: a

602. Doanh thu, *chi* phí lãi của Ngân hàng được hạch toán trên cơ sở:

Đáp án: b

603. Tổ chức tín dụng không được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh những khoản chi nào?

Đáp án: e

604. Câu nào sau đây đúng?

Đáp án: d

605. Khi bị tổn thất về tài sản, tổ chức tín dụng có thể sử dụng những nguồn bù đắp nào?

Đáp án: e

606. Để *bảo* đảm an toàn vốn, tổ chức tín dụng phải thực hiện các biện pháp gì?

Đáp án: f

607. Ngân hàng được trích vào chi phí hoạt động kinh doanh các khoản dự phòng nào sau đây?

Đáp án: e

608. Thuế suất thuế TNDN năm 2011 là bao nhiêu?

Đáp án: b

609. Mục đích sử dụng quỹ khen thưởng của Ngân hàng là gì?

Đáp án: e

610. Tài khoản chênh lệch tỷ giá?

Đáp án: c

611. Khoản chi nào sau đây không được tính vào chi phí hợp lệ của Ngân hàng?

Đáp án: b

612. Nguyên giá TSCĐ loại mua sắm (kể cả mua mới và cũ) bao gồm:

Đáp án: e

613. Báo cáo tài chính của Ngân hàng không bao gồm?

Đáp án: d

614. Tài khoản Quỹ dự phòng rủi ro nợ khó đòi?

Đáp án: b

615. Các Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ, Dự phòng tài chính, Đầu tư phát triển, Phúc lợi và khen thưởng của Ngân hàng được trích lập từ:

Đáp án: c

616. TSCĐ Ngân hàng không thực hiện trích khấu hao, không bao gồm những loại nào?

Đáp án: c

617. Thẩm quyền phê duyệt chủ trương chuyển nhượng bất động sản trong hệ thống Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam:

Đáp án: b

618. Đối tượng được Tổng giám đốc ủy quyền phê duyệt quyết toán mua sắm hoàn thành tài sản là bất động sản (nhà, đất)

Đáp án: a

619. Thẩm quyền của Giám đốc Ban Tài chính trong việc đưa thông tin giá của tài sản cố định lên Intranet (Trung tâm mua sắm TSCĐ trên Intranet BIDV):

Đáp án: b

620. Mức phê duyệt của Giám đốc chi nhánh đối với các khoản chi tổ chức hội nghị hội thảo phát sinh tại chi nhánh (bao gồm cả hội nghị hội thảo phục vụ toàn ngành):

Đáp án: c

621. Mức phê duyệt của Giám đốc chi nhánh đối với các khoản chi nghiên cứu khoa học phát sinh tại chi nhánh là bao nhiêu?

Đáp án: b

622. Chi nhánh nào đã chi phụ cấp vận chuyển, áp tải tiền không đúng quy định của BIDV trong các trường hợp sau?

Đáp án: e

623. Đối tượng nào được chi làm thêm giờ ngày làm việc bình thường trong các trường hợp sau?

Đáp án: b

624. Giám đốc chi nhánh được tự quyết định chi phí thuê trụ sở trong trường hợp nào sau đây:

Đáp án: d

625. Giá trị kê khai mua bảo hiểm tài sản là:

Đáp án: b

626. Đối tượng nào được Ngân hàng mua bảo hiểm BIC Care?

Đáp án: c

627. Chi phí mua bảo hiểm BIC Care được lấy từ nguồn nào?

Đáp án: d

628. Các khoản chi nào sau đây không được tính vào chi phí hợp lý của Ngân hàng?

Đáp án: b

629. Tài sản nào sau đây không thuộc đối tượng mua bảo hiểm tài sản?

Đáp án a

630. Trong trường hợp BIDV xuất hoá đơn bằng đồng Đô la Mỹ (USD), trường thông tin “Tỷ giá” trên hoá đơn phải thể hiện:

Đáp án: c

631. Nếu làm mất liên 2 hoá đơn GTGT thì bên mua phải làm gì để được hạch toán khoản này vào phần chi phí hợp lệ?

Đáp án: d

632. Có nhất thiết phải có chữ ký của khách hàng trên hoá đơn thu phí dịch vụ ngân hàng do BIDV phát hành hay không?

Đáp án: c

633. Xuất hoá đơn GTGT đối với các loại phí ngân hàng không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT như thế nào?

Đáp án: a

634. Tổng số tiền phí chuyển tiền khách hàng cá nhân A phải trả cho BIDV là 110.000 đồng (đã bao gồm VAT). Việc xuất hóa đơn trong trường hợp này thực hiện như thế nào?

Đáp án: d

635. Chỉ tiêu bắt buộc trên các hóa đơn do tổ chức, doanh nghiệp phát hành bao gồm:

Đáp án: c

636. Thời hạn tối đa để được kê khai khấu trừ thuế GTGT đối với hóa đơn giá trị gia tăng đầu vào là bao lâu?

Đáp án: c

637. Cơ sở kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế được hoàn thuế GTGT nếu có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết trong bao lâu ?

Đáp án : a

638. Trong các dịch vụ tài chính sau đây, dịch vụ nào thuộc đối tượng chịu thuế GTGT ?

Đáp án : c

639. Thời hạn cuối cùng để doanh nghiệp có niên độ tài chính theo năm dương lịch nộp tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2010 cho Cơ quan thuế là ?

Đáp án : c

640. Hàng hóa dịch vụ mua vào từng lần theo hóa đơn có giá trị từ bao nhiêu theo giá đã có thuế GTGT nếu không có chứng từ thanh toán qua ngân hàng thì không được khấu trừ ?

Đáp án: b

641. Thuế GTGT đầu vào của tài sản cố định là nhà làm trụ sở văn phòng và các thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động tín dụng của các tổ chức tín dụng phải được hạch toán vào:

Đáp án : c

642. Trong các khoản chi sau, khoản chi nào không được trừ khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp ?

Đáp án : d

643. Trong các khoản thuế sau, khoản thuế nào không được hạch toán vào chi phí hợp lệ của doanh nghiệp ?

Đáp án : c

644. Thu nhập chịu thuế TNCN từ trúng thưởng mà cá nhân nhận được theo từng lần trúng thưởng được xác định như thế nào ?

Đáp án b

645. Khoản thu nhập từ lãi nào sau đây không thuộc đối tượng chịu thuế TNCN ?

Đáp án e

646. Người nộp thuế TNCN gặp thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo thì theo quy định?

Đáp án c

647. Theo quy định của Luật thuế TNCN, người phụ thuộc của người nộp thuế không bao gồm:

Đáp án e

648. Doanh nghiệp có lỗ được chuyển lỗ sang các năm sau và trừ vào thu nhập tính thuế TNDN số lỗ đó không quá bao nhiêu năm kể từ năm tiếp theo năm phát sinh lỗ?

Đáp án c

649. Những trường hợp nào thì con của đối tượng nộp thuế được xác định là người phụ thuộc được tính giảm trừ gia cảnh ?

Đáp án d

650. Quy định về giảm trừ gia cảnh được thực hiện :

Đáp án e

PHẦN 10: LUẬT NHNN 2010 VÀ LUẬT CÁC TCTD 2010

I. Luật Ngân hàng nhà nước

651. Luật Ngân hàng Nhà nước năm 2010 có hiệu lực từ thời điểm nào?

Đáp án: a

652. Theo Luật NHNN 2010, Ngân hàng Nhà nước là cơ quan gì?

Đáp án: c

653. Chức năng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được quy định như thế nào?

Đáp án: d

654. Thống đốc Ngân hàng nhà nước được quy định như thế nào

Đáp án: a

655. Theo Luật Ngân hàng nhà nước năm 2010, Ngân hàng Nhà nước công bố những loại lãi suất nào?

Đáp án: d

656. Cơ quan thanh tra giám sát ngân hàng được quy định như thế nào?

Đáp án: a

657. Thẩm quyền giải quyết phá sản Tổ chức tín dụng thuộc về cơ quan nào?

Đáp án: d

658. Thẩm quyền quyết định Chính sách tiền tệ quốc gia thuộc cơ quan nào?

Đáp án: a

659. Chủ thể thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại các Tổ chức tín dụng nhà nước là cơ quan nào?

Đáp án: d

660. Chi nhánh Ngân hàng nhà nước được thành lập tại đâu?

Đáp án: d

661. Thẩm quyền phát hành tiền tại Việt Nam, đơn vị tiền tệ quốc gia thuộc cơ quan nào?

Đáp án: a

662. Cơ quan nào được phát hành tiền lưu niệm?

Đáp án: d

663. Các công cụ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia bao gồm những công cụ nào?

Đáp án: d

664. Tái cấp vốn triển khai trên thực tế gồm các hình thức:

Đáp án: d

665. Đối tượng nào được Ngân hàng nhà nước tái cấp vốn?

Đáp án: d

666. Các hình thức Ngân hàng nhà nước cho vay Tổ chức tín dụng?

Đáp án: d

667. Cho vay đặc biệt Tổ chức tín dụng áp dụng trong trường hợp nào?

Đáp án: d

668. Ngân hàng nhà nước được phép bảo lãnh cho đơn vị nào sau đây?

Đáp án: d

669. Điều kiện Ngân hàng nhà nước tạm ứng Ngân sách nhà nước:

.

Đáp án: c

670. Thẩm quyền quyết định sử dụng Dự trữ ngoại hối nhà nước thuộc về cá nhân/tổ chức nào?

Đáp án: c

671. Nguyên tắc cung cấp thông tin cho Ngân hàng nhà nước là gì?

Đáp án: d

672. Vốn pháp định của Ngân hàng Nhà nước do cơ quan nào quyết định?

Đáp án: b

673. Ngân hàng Nhà nước được lập các Quỹ nào?

Đáp án: d

674. Báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng Nhà nước được kiểm toán bởi đơn vị nào?

Đáp án: b

675. Năm tài chính của Ngân hàng Nhà nước được xác định như thế nào?

Đáp án: a

676. Thẩm quyền quyết định cơ cấu tổ chức của NHNN thuộc về cơ quan nào?

Đáp án: c

677. Dự trữ bắt buộc là số tiền mà TCTD phải gửi tại cơ quan nào?

Đáp án: b

678. Cơ quan nào sau đây có thẩm quyền kiểm tra việc thực hiện nghiệp vụ in, đúc, tiêu hủy tiền?

Đáp án: B

679. Hoạt động của NHNN bao gồm những gì?

Đáp án: d

680. Đối tượng thanh tra của Ngân hàng Nhà nước là tổ chức nào?

Đáp án: d

II. Luật các tổ chức tín dụng

681. Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 có hiệu lực kể từ ngày:

Đáp án: A

682. Ngân hàng thương mại nhà nước được tổ chức dưới hình thức nào?

Đáp án: C

683. Chức danh nào không được là người đại diện theo pháp luật của Tổ chức tín dụng?

Đáp án: a

684. Chủ tịch HĐQT của tổ chức tín dụng không được đồng thời đảm nhiệm chức vụ gì?

Đáp án: d

685. Hội đồng quản trị của Tổ chức tín dụng là công ty cổ phần phải có bao nhiêu thành viên?

Đáp án: a

686. Tổ chức tín dụng được cơ cấu tổ chức, hoạt động dưới hình thức nào?

Đáp án: B

687. Hội đồng quản trị của Tổ chức tín dụng là công ty cổ phần phải đảm bảo yếu tố gì sau đây?

Đáp án: a

688. Hội đồng quản trị của Ngân hàng thương mại phải đảm bảo yếu tố nào sau đây?

Đáp án: b

689. Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần do ai bổ nhiệm?

Đáp án: a

690. Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại là công ty TNHH một thành viên do ai bổ nhiệm?

Đáp án: B

691. Kế toán trưởng Ngân hàng thương mại là công ty cổ phần do ai bổ nhiệm?

Đáp án: d

692. Thẩm quyền quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập của TCTD là công ty cổ phần thuộc về ai?

Đáp án: c

693. Điểm nào sau đây là đúng đối với quy trình lựa chọn Tổng Giám đốc của TCTD là Công ty cổ phần?

Đáp án: b

694. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên được quy định như thế nào?

Đáp án: b

695. Nhiệm kỳ Hội đồng quản trị của Ngân hàng TMCP X là 05 năm bắt đầu từ 01/5/2007 Ông Nguyễn Văn A được bầu, bổ nhiệm là thành viên Hội đồng quản trị từ 01/10/2009. Giả thiết không có điều gì bất thường xảy với Ngân hàng X, nhiệm kỳ của HĐQT diễn ra bình thường. Ông A sẽ hết nhiệm kỳ vào thời điểm nào?

Đáp án: c

696. Tổ chức tín dụng gồm những tổ chức nào?

Đáp án: D

697. Nghiệp vụ nào sau đây không phải là hoạt động của ngân hàng?

Đáp án: c

698. Loại hình doanh nghiệp nào dưới đây không phải là Ngân hàng theo định nghĩa của Luật các tổ chức tín dụng?

Đáp án: b

699. Người quản lý tổ chức tín dụng gồm?

Đáp án: A

700. Người điều hành tổ chức tín dụng gồm?

Đáp án: C

701. Ngân hàng bắt buộc phải thành lập các Ủy ban nào?

Đáp án: c

702. Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự là cơ quan thuộc cấp quản lý nào?

Đáp án: a

703. Thẩm quyền bổ nhiệm các thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng thuộc về ai?

Đáp án: d

704. Số lượng thành viên của Ban Kiểm soát được quy định như thế nào?

Đáp án: a

705. Số thành viên chuyên trách Ban kiểm soát tối thiểu là bao nhiêu?

Đáp án: b

706. Người nào dưới đây có thể làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Ngân hàng?

Đáp án: c

707. Tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa tại Ngân hàng thương mại cổ phần là bao nhiêu?

Đáp án: c

708. Cổ đông nào được sở hữu trên 15% vốn điều lệ của NHTMCP?

Đáp án: d

709. Quy định nào dưới đây không phải là quy định nội bộ bắt buộc Ngân hàng thương mại phải xây dựng và ban hành?

Đáp án: c

710. Các hình thức cấp tín dụng được quy định trong Luật là gì?

Đáp án: d

711. Khách hàng nào dưới đây không thuộc trường hợp không được cấp tín dụng?

Đáp án: a

712. Cổ đông nào được xác định là cổ đông lớn của Ngân hàng ?

Đáp án: d

713. Ngân hàng được cấp tín dụng không có bảo đảm, cấp tín dụng ưu đãi cho đối tượng nào sau đây?

Đáp án: d

714. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng cho các công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp mà tổ chức tín dụng nắm quyền kiểm soát không được vượt quá bao nhiêu?

Đáp án: c

715. Ngân hàng thương mại vay vốn Ngân hàng nhà nước dưới hình thức nào?

Đáp án: a

716. Giới hạn tổng mức dư nợ cấp tín dụng của Ngân hàng thương mại đối với một khách hàng là bao nhiêu?

Đáp án: b

717. Giới hạn tổng mức dư nợ cấp tín dụng của Ngân hàng thương mại đối với một khách hàng và người có liên quan là bao nhiêu?

Đáp án: d

718. Giới hạn tổng mức dư nợ cấp tín dụng của Công ty cho thuê tài chính đối với một khách hàng là bao nhiêu?

Đáp án: b

719. Giới hạn tổng mức dư nợ cấp tín dụng của Công ty cho thuê tài chính đối với một khách hàng và người có liên quan là bao nhiêu?

Đáp án: c

720. Theo quy định của Luật các TCTD 2010, Vốn tự có gồm:

Đáp án: C

721. Giới hạn góp vốn, mua cổ phần của Ngân hàng vào một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực được phép:

Đáp án: A

722. Tổng mức góp vốn, mua cổ phần của một ngân hàng thương mại vào các doanh nghiệp, kể cả các công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng đó?

Đáp án: B

723. Tỷ lệ dư nợ cấp tín dụng so với tổng nguồn vốn huy động của Công ty cho thuê tài chính được quy định là bao nhiêu?

Đáp án: c

724. Tỷ lệ trích lập Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ hàng năm của Ngân hàng thương mại được quy định là bao nhiêu?

Đáp án: d

725. Mức đầu tư vào tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động của Ngân hàng thương mại được phép bao nhiêu?

Đáp án: a

726. Ngân hàng thương mại được phép thực hiện điều gì sau đây?

Đáp án: c

727. Ngân hàng thương mại không được thành lập Công ty con (100% vốn) để hoạt động trong lĩnh vực nào?

Đáp án: b

728. Ngân hàng phải công khai báo cáo tài chính trong thời hạn nào?

Đáp án: b

729. Tổ chức/cá nhân nào có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Ngân hàng TMCP?

Đáp án: A

730. TCTD được huy động vốn dưới hình thức phát hành nào?

Đáp án: d

731. TCTD có quyền thu hồi nợ trước hạn khi nào?

Đáp án: d

732. NHTM phải mở tài khoản tiền gửi tại đâu?

Đáp án: c

733. Hoạt động nào sau đây NHTM không được trực tiếp thực hiện?

Đáp án: d

734. Công ty con của TCTD là Công ty trực thuộc thỏa mãn điều kiện nào sau đây?

Đáp án: d

735. Kiểm toán nội bộ chuyên trách của TCTD trực thuộc bộ phận nào?

Đáp án: c

736. Tổ chức tín dụng phải thực hiện kiểm toán độc lập lại trong trường hợp nào?

Đáp án: d

737. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát tối đa là bao lâu?

Đáp án: b

738. TCTD phải bổ sung đủ số lượng thành viên BKS khi nào?

Đáp án: d

739. Kể từ ngày được cấp giấy phép các cổ đông sáng lập phải nắm giữ số cổ phần tối thiểu bằng 50% vốn điều lệ của TCTD trong thời gian bao lâu?

Đáp án: b

740. TCTD hạn chế cấp tín dụng (cấp tín dụng với điều kiện ưu đãi) cho đối tượng nào sau đây?

Đáp án: A

741. Tổng các khoản cấp tín dụng của TCTD không được vượt quá bao nhiêu lần vốn tự có của TCTD?

Đáp án: c

742. Công ty Cho thuê tài chính không được thực hiện nghiệp vụ nào sau đây?

Đáp án: A

743. Điều lệ NHTM được gửi NHNN để làm gì?

Đáp án: C

744. Những thay đổi nào sau đây của TCTD không cần phải được NHNN chấp thuận?

Đáp án: D

745. Hệ thống kiểm soát nội bộ của TCTD là bộ phận như thế nào?

Đáp án: D

746. Ai có thẩm quyền đình chỉ chức danh HĐQT của thành viên HĐQT?

Đáp án: C

747. Cơ quan nào có thẩm quyền chấp thuận danh sách người được dự kiến bầu, bổ nhiệm làm thành viên HĐQT của TCTD trước khi bầu, bổ nhiệm?

Đáp án: D

748. Các hoạt động nào sau đây tổ chức tín dụng thực hiện có bảo lưu quyền truy đòi:

Đáp án: c

PHẦN 11: MÔ HÌNH TỔ CHỨC VÀ CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ

749. Theo quy định của pháp luật hiện hành, Ngân hàng Thương mại liên doanh là ngân hàng thương mại được thành lập dưới hình thức nào?

Đáp án: D

750. Người quản lý ngân hàng bao gồm những ai?

Đáp án: C

751. Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng Thương mại Nhà nước hiện nay là cơ quan nào?

Đáp án: B

752. Cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng thương mại liên doanh, ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài bao gồm những thành phần nào?

Đáp án: B

753. Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài được thành lập dưới hình thức nào?

Đáp án: D

754. Ngân hàng thương mại Nhà nước được thành lập, tổ chức dưới hình thức công ty TNHH một thành viên do Nhà nước sở hữu bao nhiêu phần trăm (%) vốn điều lệ?

Đáp án: D

755. Ngân hàng thương mại cổ phần phải có số lượng cổ đông là bao nhiêu?

Đáp án: C

756. Cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng thương mại cổ phần do Nhà nước sở hữu trên 50% vốn Điều lệ bao gồm những thành phần nào?

Đáp án: D

757. Ngân hàng thương mại trong nước được thành lập, tổ chức dưới hình thức nào?

Đáp án: D

758. Bao thanh toán là hình thức cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản của ngân hàng. Đúng hay sai? Hãy giải thích?

Đáp án: B

Giải thích: Vì bao thanh toán là hình thức cấp tín dụng cho bên bán hàng hoặc bên mua hàng thông qua việc mua lại có bảo lưu quyền truy đòi các khoản phải thu hoặc các khoản phải trả phát sinh từ việc mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ theo hợp đồng mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ (không phải là hình thức cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản của ngân hàng).

759. Tái chiết khấu là việc mua có kỳ hạn hoặc mua có bảo lưu quyền truy đòi các công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác của người thụ hưởng trước khi đến hạn thanh toán. Đúng hay sai? Hãy giải thích?

Đáp án: B

Giải thích: Vì tái chiết khấu là việc chiết khấu các công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác đã được chiết khấu trước khi đến hạn thanh toán (việc mua có kỳ hạn hoặc mua có bảo lưu quyền truy đòi các công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác của người thụ hưởng trước khi đến hạn thanh toán là nghiệp vụ chiết khấu).

760. Cổ đông lớn của ngân hàng thương mại cổ phần là cổ đông sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ bao nhiêu phần trăm vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của ngân hàng cổ phần đó?

Đáp án: A

761. Hoạt động ngân hàng là việc kinh doanh, cung ứng thường xuyên một hoặc một số các nghiệp vụ sau nào sau đây?

Đáp án: C

762. Ngân hàng thương mại phải thành lập hoặc mua lại công ty con, công ty liên kết để thực hiện hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực nào sau đây?

Đáp án: D

763. Công ty nào sau đây được coi là công ty liên kết của ngân hàng thương mại?

Đáp án: A

764. Công ty nào sau đây là công ty con của Ngân hàng thương mại?

Đáp án: C

765. Ngân hàng thương mại không được kinh doanh dịch vụ nào sau đây?

Đáp án: B

766. Ngân hàng thương mại không được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nào sau đây?

Đáp án: D

767. Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài là ngân hàng thương mại được thành lập tại Việt Nam với 100% vốn điều lệ thuộc sở hữu nước ngoài, trong đó phải có một ngân hàng nước ngoài sở hữu bao nhiêu phần trăm vốn điều lệ?

Đáp án: D

768. Ngân hàng thương mại liên doanh không thể thành lập dưới hình thức Công ty TNHH một thành viên. Đúng hay sai? Hãy giải thích?

Đáp án: A

Giải thích: Vì Ngân hàng thương mại liên doanh là ngân hàng thương mại được thành lập tại Việt Nam, bằng vốn góp của Bên Việt Nam (gồm một hoặc nhiều ngân hàng Việt Nam) và Bên nước ngoài (gồm một hoặc nhiều ngân hàng nước ngoài) trên cơ sở hợp đồng liên doanh (theo quy định tại Khoản 5 Điều 5 Nghị định 59/2009/NĐ-CP quy định về Tổ chức và hoạt động của Ngân hàng thương mại). Theo quy định này, ngân hàng thương mại liên doanh có ít nhất là có 01 ngân hàng Việt Nam và 01 ngân hàng nước ngoài, do vậy ngân hàng thương mại liên doanh không thể được thành lập dưới hình thức Công ty TNHH một thành viên.

769. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của ngân hàng thương mại cổ phần được quy định như thế nào?

Đáp án: B

770. Ban Kiểm soát của Ngân hàng thương mại cổ phần A có 03 thành viên, trong đó có 02 thành viên là thành viên chuyên trách, thành viên còn lại kiêm nhiệm Phó Trưởng Phòng Pháp chế của Ngân

hàng thương mại A. Hỏi, việc bố trí thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng thương mại A là đúng hay sai? Hãy giải thích?

Đáp án: B

Giải thích: Vì theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 34 Luật các Tổ chức tín dụng, thành viên Ban Kiểm soát không được đồng thời đảm nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, người điều hành, nhân viên của cùng một tổ chức tín dụng.

771. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng thương mại cổ phần được quy định như thế nào?

Đáp án: B

772. Trưởng Ban kiểm soát của Ngân hàng thương mại cổ phần do ai bầu?

Đáp án: D

773. Thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng thương mại được thành lập và tổ chức dưới hình thức công ty TNHH một thành viên là do ai bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm?

Đáp án: B

774. Số lượng thành viên góp vốn của Ngân hàng thương mại được thành lập và tổ chức theo hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên là bao nhiêu?

Đáp án: B

775. Đối với Ngân hàng thương mại được thành lập và tổ chức dưới hình thức công ty TNHH hai thành viên trở lên, tỷ lệ sở hữu tối đa của một thành viên và người có liên quan không được vượt quá bao nhiêu phần trăm vốn điều lệ của ngân hàng?

Đáp án: C

776. Thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng thương mại được thành lập và tổ chức theo hình thức công ty TNHH hai thành viên trở lên do ai bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm?

Đáp án: B

777. Hội đồng quản trị là cơ quan quyết định cao nhất của Ngân hàng thương mại cổ phần. Đúng hay sai? Hãy giải thích?

Đáp án: B

Giải thích: Vì cơ quan quyết định cao nhất của Ngân hàng thương mại cổ phần là Đại hội đồng cổ đông.

778. Ai là người có thẩm quyền bổ nhiệm Tổng Giám đốc của Ngân hàng thương mại được thành lập và tổ chức theo hình thức công ty cổ phần?

Đáp án: B

779. Ai là người có thẩm quyền bổ nhiệm Tổng Giám đốc của Ngân hàng thương mại được thành lập và tổ chức theo hình thức công ty Trách nhiệm hữu hạn?

Đáp án: C

780. Mô hình tổ chức hiện tại của Trụ sở chính Ngân hàng ĐT và PTVN hiện nay gồm mấy khối?

Đáp án: B

781. Đơn vị nào thuộc khối đơn vị sự nghiệp của BIDV?

Đáp án: D

782. Mối quan hệ giữa các Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính BIDV với các phòng tại Chi nhánh trong triển khai nhiệm vụ là các mối quan hệ nào trong các mối quan hệ dưới đây?

Đáp án: D

783. Nhiệm vụ “Tổ chức thu thập các thông tin kinh tế, chính trị, xã hội và đối thủ cạnh tranh trên từng địa bàn” là nhiệm vụ của Ban nào thuộc Hội sở chính?

Đáp án: D

784. Nhiệm vụ “Xây dựng các văn bản chế độ, hướng dẫn nghiệp vụ về thẩm định, tư vấn dự án đầu tư áp dụng trong toàn hệ thống Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam” là nhiệm vụ của Ban nào thuộc Hội sở chính?

Đáp án: C

785. Chức năng “Tham mưu giúp cho Ban Lãnh đạo về hoạt động tín dụng và bảo lãnh đối với các dự án, khoản vay theo chỉ định và vay đầu tư phát triển của Nhà nước. Theo dõi thu nợ, xử lý nợ theo hợp đồng vay đối với các khoản vay theo chỉ định và tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước” ?

Đáp án: A

786. Trách nhiệm “Thiết lập, duy trì, quản lý và phát triển mối quan hệ với khách hàng định chế tài chính; chịu trách nhiệm tiếp thị, hỗ trợ và bán các sản phẩm cho khách hàng định chế tài chính” là trách nhiệm của Ban nào trong các Ban sau?

Đáp án: B

787. Đơn vị nào thuộc hội sở chính có chức năng “Đánh giá hiệu quả các sản phẩm bán buôn mà ngân hàng đang cung cấp cho khách hàng; Quản lý khả năng sinh lời từ sản phẩm do mình phụ trách”?

Đáp án: A

788. Đơn vị nào trực thuộc hội sở chính là đơn vị “Đầu mối xây dựng định hướng đầu tư và các văn bản quy định nội bộ về hoạt động đầu tư”?

Đáp án: C

789. Đơn vị nào trực thuộc hội sở chính có nhiệm vụ “Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển tín dụng bán lẻ”?

Đáp án: B

790. Đơn vị nào trực thuộc hội sở chính có nhiệm vụ “Quản lý khả năng sinh lời, mức độ tăng trưởng, tính hiệu quả của các sản phẩm tín dụng bán lẻ”?

Đáp án: C

791. Đơn vị nào trực thuộc hội sở chính có nhiệm vụ kinh doanh ngoại hối và kinh doanh giấy tờ có giá?

Đáp án: A

792. Đơn vị nào trực thuộc hội sở chính có chức năng “Tham mưu giúp Ban Lãnh đạo về quản lý rủi ro thị trường, quản lý rủi ro tác nghiệp trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam”?

Đáp án: D

793. Đơn vị nào trực thuộc hội sở chính có chức năng “Tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các đơn vị thành viên thực hiện các chế độ quy định của Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam trong lĩnh vực thanh toán”?

Đáp án: B

794. Đơn vị nào trực thuộc hội sở chính có chức năng “Trực tiếp thực hiện các hoạt động truyền thông để xây dựng, quảng bá, phát triển thương hiệu, sản phẩm dịch vụ thông qua các công cụ truyền thông của hệ thống (trực tiếp) và công cụ truyền thông bên ngoài (gián tiếp) ”?

Đáp án: B

795. Nhiệm vụ trực tiếp giao dịch các sản phẩm trên thị trường tiền tệ liên ngân hàng và với khách hàng trong phạm vi hạn mức rủi ro được phê duyệt phục vụ Sổ Ngân hàng do Phòng nào thuộc Ban Vốn và Kinh doanh vốn thực hiện?

Đáp án: C

796. Mô hình tổ chức đầy đủ của 01 chi nhánh hỗn hợp bao gồm các khối nào?

Đáp án: C

797. Quản lý danh mục các khoản nợ rủi ro ngoại bảng, hoặc đã được bán nợ, khoanh nợ...là nhiệm vụ của phòng nào (tại chi nhánh) dưới đây?

Đáp án: A

798. Khối quản lý nội bộ của chi nhánh bao gồm những đơn vị nào?

Đáp án: C